

THÀNH ỦY THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2022

*

Số 4498-CV/VPTU

Về thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần
Chứng khoán Saigonbank - Berjaya

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 08

Ngày: 14/01/2022

Lúc: 16 giờ 30'

Kính gửi: Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên Công ty trách nhiệm
hữu hạn một thành viên Du lịch Thương mại Kỳ Hòa.

Văn phòng Thành ủy nhận được các văn bản: Công văn số 28-CV/HĐTV.KH.2021 ngày 18 tháng 10 năm 2021; Công văn số 38-CV/HĐTV.KH.2021 ngày 29 tháng 11 năm 2021; Công văn số 34-CV/HĐTV.KH.2021 ngày 09 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Thương mại Kỳ Hòa (Công ty Kỳ Hòa) về thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Chứng khoán Saigonbank - Berjaya (Công ty SBBS).

Trên cơ sở thẩm định của Kiểm soát viên Công ty Kỳ Hòa tại Tờ trình số 12-TTr/KSV.2021 ngày 17 tháng 11 năm 2021, Tờ trình số 11-TTr/KSV.2021 ngày 10 tháng 11 năm 2021 về thoái vốn cổ phần tại Công ty SBBS.

Thực hiện chỉ đạo của Thường trực Thành ủy tại Thông báo số 220-TB/VPTU ngày 06 tháng 01 năm 2022, Văn phòng Thành ủy có ý kiến như sau:


1. Chấp thuận chủ trương cho Công ty Kỳ Hòa thực hiện thoái vốn đầu tư có giá trị 40 tỷ đồng (tương ứng 4.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tại Công ty SBBS theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Đảng bộ thành phố.
2. Hội đồng thành viên, Ban điều hành, Kiểm soát viên Công ty Kỳ Hòa phối hợp cùng với các đơn vị tư vấn liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc xây dựng hồ sơ thoái vốn (Phương án thoái vốn, Chứng thư thẩm định giá,...) trung thực, chính xác, đầy đủ theo quy định, trình Văn phòng Thành ủy để cung cấp hồ sơ cho các Sở, ngành chuyên môn thành phố hỗ trợ, có ý kiến theo quy định pháp luật.
3. Sau khi có kết quả thẩm định, ý kiến của Sở, ngành chuyên môn thành phố; giao Hội đồng thành viên, Ban điều hành, Kiểm soát viên Công ty Kỳ Hòa xem xét, thẩm định, hoàn chỉnh, phê duyệt, thực hiện các thủ tục pháp lý để thực hiện thoái

vốn đầu tư nêu trên theo đúng quy định, thu lợi cao nhất cho Công ty và không để xảy ra tiêu cực.

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy (để báo cáo)
- Như trên,
- Đồng chí Chánh Văn phòng Thành ủy (để báo cáo),
- VPTU: Đ/c Nguyễn Quốc Thái,
 các Phòng: Kinh tế Đảng, Tài chính Đảng,
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

**K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Quốc Thái

*

Số 8500-CV/VPTU

Về thoái vốn đầu tư tại Công ty
cổ phần Chứng khoán Saigonbank Berjaya

CÔNG VĂN ĐẾN
Số:.....05.....
Ngày: 20-01-2015.....
Lúc: 4 giờ.....

Kính gửi : Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
Du lịch Thương mại Kỳ Hòa.

Xét đề nghị của Hội đồng thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Thương mại Kỳ Hòa tại Văn bản số 09-CV/HĐTV.KH.2014 ngày 06 tháng 8 năm 2014 về chủ trương thoái vốn tại Công ty cổ phần Chứng khoán Saigonbank Berjaya, Văn phòng Thành ủy thông báo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Thành ủy tại Thông báo số 2001-TB/TU ngày 19 tháng 01 năm 2015 như sau :

1. Chấp thuận chủ trương đề Hội đồng thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Thương mại Kỳ Hòa thực hiện thoái vốn đầu tư có giá trị là 40 (bốn mươi) tỷ đồng (tương ứng 4.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) tại Công ty cổ phần Chứng khoán Saigonbank Berjaya.

2. Giao Hội đồng thành viên Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Thương mại Kỳ Hòa tiến hành các thủ tục thoái vốn như trên theo quy định của Nhà nước và Ủy ban nhân dân Thành phố áp dụng cho doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước; định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện cho Văn phòng Thành ủy.

Trân trọng.

CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG VĂN THỊ MỸ ĐỨC

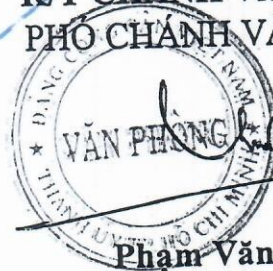


Nơi nhận :

- Như trên,
- VPTU (đ/c Trần Vĩnh Tuyên, đ/c Phạm Văn Thông, đ/c Nguyễn Phước Minh, đ/c Nguyễn Quốc Hùng, Phòng Quản lý Đầu tư - Kinh doanh vốn),
- Lưu VPTU.

Lê Anh Tuấn

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



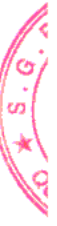
Phạm Văn Thông

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SAIGONBANK BERJAYA**

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SAIGONBANK BERJAYA

*“Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01
năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính”*

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH THÁNG 4 NĂM 2016



MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	3
Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật	4
Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh.....	6
Điều 5. Mục tiêu hoạt động.....	6
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động.....	6
Điều 7. Quyền của Công ty.....	7
Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty.....	7
Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế.....	9
Chương II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN; CỔ ĐÔNG	10
Điều 10. Vốn Điều lệ	10
Điều 11. Các loại cổ phần.....	10
Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông.....	10
Điều 13. Cổ phiếu	11
Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần	11
Điều 15. Mua lại phần cổ phần.....	11
Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn Điều lệ.....	12
Điều 17. Thông tin về cổ đông sáng lập	12
Điều 18. Quyền của cổ đông Công ty.....	13
Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông.....	14
Điều 20. Người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông.....	14
Chương III: QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY.....	15
Điều 21. Bộ máy quản trị Điều hành của Công ty	15
Điều 22. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 24. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 26. Thẻ thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 28. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	22
Điều 31. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 32. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, Điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	25

Điều 33. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.....	26
Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	26
Điều 35. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp.....	27
Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	28
Điều 37. Ban Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 38. Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Ban Tổng Giám đốc; quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và thành viên Ban Tổng Giám đốc.....	30
Điều 39. Tiêu chuẩn và Điều kiện làm Tổng Giám đốc.....	31
Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	32
Điều 41. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng giám đốc.....	32
Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và thành phần của thành viên Ban Kiểm soát.....	33
Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	33
Điều 44. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	35
Điều 45. Tiêu chuẩn và Điều kiện làm Kiểm soát viên.....	35
Điều 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	35
Chương IV: XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN.....	36
Điều 47. Các tranh chấp có thể xảy ra.....	36
Điều 48. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp.....	36
Điều 49. Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận.....	36
Điều 50. Chế độ báo cáo và công bố thông tin.....	37
Chương V: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN.....	38
Điều 51. Năm tài chính.....	38
Điều 52. Hệ thống kế toán.....	38
Điều 53. Kiểm toán.....	38
Điều 54. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận.....	39
Điều 55. Xử lý lỗ trong kinh doanh.....	39
Điều 56. Trích lập các quỹ theo quy định.....	39
Chương VI: GIA HẠN THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY.....	39
Điều 57. Gia hạn thời hạn hoạt động.....	39
Điều 58. Tổ chức lại công ty.....	40
Điều 59. Giải thể.....	40
Điều 60. Phá sản.....	40
Chương VII: SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	40
Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	40
Chương VIII: HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ.....	40
Điều 62. Ngày hiệu lực.....	40

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 58/2012/NĐ-CP của Chính phủ ký ngày 20/07/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính ký ngày 30/11/2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động của công ty chứng khoán;
- Thông tư số: 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;
- Quyết định của Đại Hội đồng cổ đông Công ty tại Nghị quyết số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 29/04/2016;
- Các văn bản pháp luật khác liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) “Công ty” là Công ty cổ phần chứng khoán SaigonBank Berjaya;
 - b) “Vốn Điều lệ” là tổng giá trị số vốn do chủ sở hữu đã góp/tổng giá trị các phần vốn góp do các thành viên đã góp/tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được ghi vào Điều lệ công ty;
 - c) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - d) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - e) “Người quản lý công ty” bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;
 - f) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;
 - g) “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - h) “UBCK” là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của Điều Khoản hoặc văn bản đó.
3. Các tiêu đề (chương, Điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA**
- Tên Tiếng Anh: **SAIGONBANK BERJAYA SECURITIES JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch: **SBBS**
- Tên viết tắt: **SBBS**

2. Hình thức pháp lý của Công ty:

Công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán.

3. Trụ sở Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 5 & 6, 2 C Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Tp. HCM
- Điện thoại: (848)39143399 Fax: (848) 39143388
- Địa chỉ trang web : www.sbbs.com.vn

4. Mạng lưới hoạt động:

- a) Công ty có thể có chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các Mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị trong phạm vi pháp luật cho phép;
- b) Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;
- c) Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa Điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận;
- d) Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

5. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn,

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là:

a) Chức danh của người đại diện theo pháp luật: Tổng giám đốc.

b) Quyền của người đại diện theo pháp luật:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

c) Trách nhiệm và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật:

Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty

3. Trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Trong một số trường hợp đặc biệt người đại diện theo pháp luật do Tòa án có thẩm quyền chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty:
 - a) Môi giới chứng khoán;
 - b) Tự doanh chứng khoán;
 - c) Tư vấn đầu tư chứng khoán.
2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài Khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.
3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Khoản 1 Điều này sau khi được UBCK chấp thuận.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động

1. Mục tiêu hoạt động của công ty: Mục tiêu của Công ty là không ngừng tìm kiếm các cơ hội phát triển từ hoạt động kinh doanh chứng khoán sử dụng hiệu quả nguồn vốn nhằm tối đa hóa lợi nhuận, thực hiện cam kết với khách hàng, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường tài chính Việt Nam.
2. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu trên cần cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì Công ty chỉ thực hiện mục tiêu đó sau khi được chấp thuận.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và pháp luật có liên quan.
2. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.
3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.
4. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của pháp luật.
5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.
6. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh. Người hành nghề chứng khoán thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán không được đồng thời thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán.
7. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp nếu các quyền đó không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.
2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi pháp luật cho phép.
3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.
4. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của pháp luật.
5. Các quyền khác do công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Nguyên tắc chung:
 - a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
 - c) Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - d) Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;
 - e) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật hoặc sơ suất của nhân viên;
 - f) Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
 - g) Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
 - h) Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
 - i) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật có liên quan;
 - j) Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
 - k) Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định;
2. Nghĩa vụ đối với cổ đông
 - a) Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát để quản lý phù hợp với quy định của pháp luật;
 - b) Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - c) Không được thực hiện các hành vi sau:
 - Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức cố định);

- Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần/phần vốn góp của các cổ đông;
- Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;
- Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của pháp luật;
- Xâm phạm đến các quyền của cổ đông: Quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác;

3. Nghĩa vụ đối với khách hàng:

- a) Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;
 - b) Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;
 - c) Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;
 - d) Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, Mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của pháp luật. Bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;
 - e) Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;
 - f) Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;
 - g) Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
 - h) Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
 - i) Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
 - j) Bảo mật thông tin của khách hàng:
- Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc Điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng;

- Quy định tại Điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - + Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - + Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

1. Quy định đối với Công ty:

- a) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên Khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
- b) Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
- c) Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa Điểm ngoài các địa Điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;
- d) Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài Khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;
- e) Không sử dụng tên hoặc tài Khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
- f) Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
- g) Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- h) Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
- i) Hợp đồng mở tài Khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi một cách không công bằng cho khách hàng;
- j) Các quy định khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

2. Quy định đối với người hành nghề chứng khoán:

- a) Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc được cử vào Ban quản lý công ty của tổ chức sở hữu Công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu tư, người hành nghề chứng khoán không được:
 - Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;
 - Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;
 - Đồng thời làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;

- b) Chỉ được mở tài Khoản giao dịch chứng khoán cho mình (nếu có) tại Công ty. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp khi Công ty không phải là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán;
 - c) Khi thực hiện các nghiệp vụ của Công ty, người hành nghề chứng khoán là người thay mặt cho Công ty để thực hiện các giao dịch với khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của người hành nghề chứng khoán. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài Khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản;
3. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc:
- a) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;
 - b) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác;
 - c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;

Chương II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN; CỔ ĐÔNG

Mục 1: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 10. Vốn Điều lệ

Vốn Điều lệ của Công ty là 300.000.000.000 VNĐ (Ba trăm tỷ đồng).

Điều 11. Các loại cổ phần

1. Tổng số vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 30.000.000 (Ba mươi triệu) cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam/cổ phần.

2. Các loại cổ phần của Công ty:

Công ty cổ phần chứng khoán SaigonBank Berjaya chỉ phát hành cổ phần phổ thông tự do chuyên nhượng theo quy định của pháp luật. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông, mỗi cổ phần phổ thông có 01 phiếu biểu quyết;

Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông ngay khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
2. Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông: Văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này (do công ty quyết định).
4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị (đối với trường hợp cổ phiếu công ty chưa đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam) phải chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện.
6. Quy định khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

Điều 13. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với một hoặc một số cổ phần của Công ty.
2. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
3. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông có thể đề nghị Công ty cấp lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định tại Điều lệ này.
2. Giao dịch làm thay đổi quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp chiếm từ 10% trở lên vốn Điều lệ đã góp, giao dịch dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cổ đông vượt qua hoặc xuống dưới các mức sở hữu 10%, 25%, 50%, 75% vốn Điều lệ đã góp của Công ty phải được UBCK chấp thuận, trừ trường hợp cổ phiếu của Công ty được niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán và chuyển nhượng theo quyết định của Tòa án.

Điều 15. Mua lại phần cổ phần

1. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các Điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật.
2. Các trường hợp mua lại cổ phần

a) Mua lại theo yêu cầu của cổ đông:

Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó bỏ phiếu không tán thành đối với quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc: Tổ chức lại Công ty; sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của cổ đông. Yêu cầu mua lại cổ phần phải được lập bằng văn bản và gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

b) Mua lại theo quyết định của Công ty

Công ty có thể mua lại cổ phần phổ thông, tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua lại cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Cách thức tăng, giảm vốn Điều lệ

1. Sau khi chính thức đi vào hoạt động, Công ty có thể tăng, giảm vốn Điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu đáp ứng quy định của pháp luật hiện hành.
2. Cách thức tăng vốn Điều lệ của Công ty:
 - a) Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của pháp luật;
 - b) Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của pháp luật;
 - c) Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần;
 - d) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng;
 - e) Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ.
3. Việc giảm vốn Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo Điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

Mục 2: CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP; QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 17. Thông tin về cổ đông sáng lập

✦ Công ty TNHH một thành viên Du lịch Thương mại Kỳ Hòa

- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4104000104 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 1 năm 2005 và đăng ký lần thứ 02 ngày 08 tháng 11 năm 2007.
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường 3/2, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
- Số vốn góp: **40,000,000,000 VNĐ (Bốn mươi tỷ Đồng)**, chiếm tỷ lệ **13.33%** vốn điều lệ của Công ty Cổ phần chứng khoán SaiGonBank Berjaya.
- Số lượng cổ phần nắm giữ : **4,000,000 (Bốn triệu)** cổ phần.

✦ Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương

- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 059074 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 8 năm 1993.
- Địa chỉ trụ sở chính: 2C Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Số vốn góp: **33,000,000,000 VNĐ (Ba mươi ba tỷ Đồng)**, chiếm tỷ lệ **11%** vốn điều lệ của Công ty Cổ phần chứng khoán SaiGonBank Berjaya.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: **3,300,000 (Ba triệu ba trăm ngàn)** cổ phần.

✦ Inter Pacific Securities Sdn Bhd

- Giấy chứng nhận ĐKKD số: 12738-U do Cơ quan đăng ký Công ty Malaysia cấp ngày 30 tháng 8 năm 1972.
- Địa chỉ trụ sở chính: West Wing, Level 13, Berjaya Times Square, No.1Jalan Imbi, 55100 Kuala Lumpur, Malaysia.
- Số vốn góp: **147,000,000,000 VNĐ (Một trăm bốn mươi bảy tỷ Đồng)**, chiếm tỷ lệ **49%** vốn điều lệ của Công ty cổ phần chứng khoán SaiGonBank Berjaya.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: **14,700,000 (Mười bốn triệu bảy trăm ngàn)** cổ phần

Điều 18. Quyền của cổ đông Công ty

1. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền, hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
2. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
3. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
4. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
5. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
6. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
7. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty;
8. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:
 - Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
 - Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;
 - Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
9. Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
10. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời Điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, Điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp, số giấy phép thành lập và hoạt động đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời Điểm đăng ký cổ phần của từng cổ

đồng, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, Mục đích kiểm tra;

Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị Tổng Giám đốc trong các trường hợp theo quy định của pháp luật. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua, không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các Khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:
Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
4. Người đại diện theo ủy quyền phải đáp ứng các tiêu chuẩn và Điều kiện theo quy định pháp luật.
5. Việc chỉ định, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải thông báo cho Công ty bằng văn bản và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền
 - a) Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba;

- b) Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông ủy quyền;
- c) Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước chủ cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Chương III: QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Mục 1: QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN

Điều 21. Bộ máy quản trị Điều hành của Công ty

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban Tổng Giám đốc.
4. Ban Kiểm soát.

Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty.
2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - c) Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ...% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán.
 - h) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - i) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - j) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.

Điều 23. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1. Số lượng, thời gian, địa điểm họp

- a) Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
 - b) Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Công ty có thể đề nghị UBCK gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông
- a) Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 8 Điều 18 Điều lệ này;
 - Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
 - b) Thời hạn triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường là 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông như quy định tại Điều a Khoản này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
 - c) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều b Khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Trường Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
 - d) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều c Khoản này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 8 Điều 18 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 24. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hàng năm;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

- f) Tổng mức thù lao trả cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
 - g) Các vấn đề khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp.
 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 8 Điều 18 của Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và gửi đến Công ty chậm nhất là 03 (Ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối đề xuất này nếu:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; hoặc
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ Điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33 % tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ Điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 26. Thủ tục tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông:

Trước ngày khai mạc cuộc họp, Công ty tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông, bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.
2. Bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
3. Thông qua chương trình và nội dung họp:

Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để Điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
6. Công bố kết quả kiểm phiếu:
Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác; Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;
7. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký xong. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau:
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp theo quy định tại điểm 9 Điều này.
9. Các trường hợp chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
 - d) Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
10. Bầu thay thế chủ tọa Điều hành cuộc họp trong trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 9 Điều này. Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 27. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo Điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.
3. Các trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b) Định hướng phát triển công ty;
 - c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Tổ chức lại, giải thể công ty.
4. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Tổ chức lại, giải thể công ty;
 - f) Các vấn đề khác do công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.
5. Các nghị quyết về nội dung khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này.
6. Phương thức biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức trực tiếp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu của mình để bầu cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

7. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo thể thức sau:
- a) Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b) Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật doanh nghiệp;
 - c) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Mục đích lấy ý kiến;
 - + Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - + Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;
 - d) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau:
 - + Gửi Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - + Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - + Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
 - + Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

e) Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- + Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- + Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- + Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- + Các vấn đề đã được thông qua;
- + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu;
- + Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

f) Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

g) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

h) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 28. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời Điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác với các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau.

Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa các biên bản thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp. Việc gửi biên bản kèm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Hội đồng quản trị

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e) Quyết định mua lại dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, quyết định phương án bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành;
 - f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp.
 - i) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý công ty, quyết định mức lương và quyền lợi khác của người quản lý nêu trên; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
 - j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý công ty trong Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - n) Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
 - p) Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bỏ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm người quản lý công ty và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý công ty;
 - q) Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
 - r) Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho Mục đích này.
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức khác theo quy định của pháp luật. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
 4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.
 5. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
 6. Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng trái với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thì cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.
 7. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a) Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:

- + Quyền được cung cấp thông tin:
 - Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;
 - Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị;
 - Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.
- + Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác:
 - Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh;
 - Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:

Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

b) Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

- + Thực hiện trách nhiệm của người quản lý công ty theo đúng quy định của pháp luật;
- + Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo quy định của pháp luật;
- + Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 31. Số lượng, thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng và thành phần thành viên Hội đồng quản trị

- a) Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên. Trong đó, số lượng của thành viên Hội đồng quản trị độc lập tối thiểu là 1/3 tương đương 2 thành viên;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị thường trú ở Việt Nam phải có tối thiểu 2 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- a) Thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm kỳ 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;
- b) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được thành viên mới thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên của Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;
- c) Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ theo quy định của pháp luật.



Điều 32. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và tiêu chuẩn, Điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo cơ chế sau:

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Hội đồng quản trị và một (01) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 40% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên Hội đồng quản trị và hai (02) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 60% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên Hội đồng quản trị và ba (03) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên Hội đồng quản trị và bốn (04) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên Hội đồng quản trị và năm (05) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
- f) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 80% trở lên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát hoặc các cổ đông khác đề cử.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

2. Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát, cổ đông khác đề cử người vào Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
3. Những ứng cử viên vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các tiêu chuẩn và Điều kiện quy định tại Khoản 4 Điều này.
4. Tiêu chuẩn và Điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng;

- c) Không phải là Tổng Giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác (đối với công ty niêm yết);
 - d) Không từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng.
5. Tiêu chuẩn và Điều kiện quy định tại Điều này đồng thời được áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

Điều 33. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

1. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và Điều kiện theo quy định tại các văn bản pháp luật quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán.
2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị khi không còn đáp ứng đủ Điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ Điều kiện nêu trên. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ Điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.
3. Cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm chức Tổng Giám đốc Điều hành phải được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp thường niên.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f) Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;
 - g) Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - h) Thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc;

- i) Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - j) Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
 - k) Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - l) Tạo Điều kiện thuận lợi để các thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên Điều hành và những thành viên không Điều hành trong Hội đồng quản trị;
 - m) Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;
 - n) Quyền và nhiệm vụ khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
 5. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý tối thiểu phải họp một (01) lần.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:
 - a) Nhận được đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
 - b) Nhận được đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
 - c) Nhận được đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Điều hành của Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ Mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

34
01
:0
UN
IG
BE
7-7

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 7 ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Cách thức gửi thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
6. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
7. Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
8. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Khoản 10 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
9. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được 2/3 số thành viên dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
10. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
11. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được lập biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tại trụ sở Công ty. Biên bản họp lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và Điều kiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 32 của Điều lệ này;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Có đơn xin từ chức;
 - d) Các trường hợp khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:
 - a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này.
 4. Các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 37. Ban Kiểm toán nội bộ và Bộ phận Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị

1. Ban Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Ban Kiểm toán nội bộ như sau:
 - a) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - b) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
 - c) Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
 - d) Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
 - e) Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
 - f) Đánh giá kiểm toán nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh;
 - g) Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
 - h) Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
 - i) Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
 - j) Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
 - k) Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
 - l) Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con.
2. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận Quản trị rủi ro:

- a) Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;
 - b) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
 - c) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này.
3. Yêu cầu về nhân sự của Ban Kiểm toán nội bộ:
- a) Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
 - b) Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - c) Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
 - d) Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
 - e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

Ban Tổng Giám đốc

Điều 38. Thành phần, nhiệm kỳ của thành viên Ban Tổng Giám đốc; quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc và thành viên Ban Tổng Giám đốc

1. Thành phần Ban Tổng giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc các Phó Tổng Giám đốc.
2. Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách. Các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm Mục tiêu theo quy định của pháp luật.
4. Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
 - a) Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên Ban Tổng Giám đốc;
 - b) Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
 - c) Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
5. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc là người Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao, cụ thể như sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.
6. Tổng Giám đốc phải Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.
7. Quyền lợi và trách nhiệm của các thành viên Ban Tổng Giám đốc:
- a) Quyền lợi của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - + Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận tiền lương theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban Tổng Giám đốc được trả theo Quyết định của Hội đồng quản trị và thang bảng lương của công ty;
 - + Tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phải được thể hiện thành Mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
 - b) Trách nhiệm của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - + Thực hiện trách nhiệm của người quản lý công ty theo đúng quy định của pháp luật;
 - + Công khai hóa các lợi ích và người có liên quan theo quy định;
 - + Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 39. Tiêu chuẩn và Điều kiện làm Tổng Giám đốc

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh.
3. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên cho công ty chứng khoán khác; không đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác.
4. Đáp ứng các Điều kiện quy định đối với Tổng Giám đốc công ty chứng khoán theo quy định tại các văn bản pháp luật hướng dẫn về tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán.

Điều 40. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

1. Không còn đủ tiêu chuẩn, Điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 39 của Điều lệ.
2. Có đơn xin từ chức.
3. Theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 41. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Bộ phận Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng giám đốc

1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:
 - a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
 - b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền;
 - c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
 - d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
 - e) Tách biệt tài sản của khách hàng;
 - f) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
 - g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
 - h) Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.
2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:
 - a) Trưởng bộ phận Kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
 - b) Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;
 - c) Có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán; chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - d) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.
3. Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:
 - a) Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;
 - b) Xác định rủi ro của Công ty;
 - c) Đo lường rủi ro;
 - d) Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

Ban Kiểm soát

Điều 42. Số lượng, nhiệm kỳ và thành phần của thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát của Công ty có 03 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời Điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
3. Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu chọn theo Khoản 6 Điều 27 Điều lệ này.
4. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

Điều 43. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Thẩm quyền của Ban Kiểm soát:
 - a) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và Điều hành Công ty;
 - b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, Điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 - c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;
 - e) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý. Điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 10 Điều 18 của Điều lệ này;
 - f) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 10 Điều 18 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn Điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và Điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm đồng thời có giải pháp khắc phục hậu quả;

- i) Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc vi phạm pháp luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng thì Ban Kiểm soát có trách nhiệm yêu cầu người có hành vi vi phạm giải trình trong thời hạn nhất định hoặc đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để giải quyết. Đối với các vi phạm pháp luật, Ban Kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản cho UBCK trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;
 - j) Xây dựng quy trình kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - k) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- a) Quyền của Ban Kiểm soát:
 - Sử dụng tư vấn độc lập, Ban kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;
 - Có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - Được cung cấp thông tin đầy đủ:
 - + Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời Điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
 - + Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời Điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị;
 - + Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời Điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
 - + Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa Điểm khác; có quyền đến các địa Điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;
 - + Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, Điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban Kiểm soát.
 - + Được nhận tiền lương hoặc thù lao và hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.
 - b) Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát:
 - Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
 - Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản của Công ty, địa vị, chức vụ của mình để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;
 - Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Trường hợp Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả Công ty.
 4. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu Kiểm soát viên có hành vi vi phạm phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 44. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát để Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Mỗi năm Ban Kiểm soát phải tổ chức họp tối thiểu 02 lần.
3. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 02 tổng số thành viên tham dự.

Điều 45. Tiêu chuẩn và Điều kiện làm Kiểm soát viên

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty.
3. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.
4. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát hoặc người quản lý của công ty chứng khoán khác.

Điều 46. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và Điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d) Các trường hợp khác do công ty quy định phù hợp với pháp luật.
2. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Chương IV: XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

Điều 47. Các tranh chấp có thể xảy ra

1. Các trường hợp được xem là tranh chấp giữa Công ty với các đối tác liên quan khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:
 - a) Cổ đông với Công ty;
 - b) Cổ đông thành viên với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Điều hành hay người quản lý công ty;
 - c) Khách hàng hoặc các đối tác khác liên quan với Công ty.
2. Nội dung của tranh chấp cần giải quyết: Các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hoặc các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định.

Điều 48. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

1. Thương lượng và hòa giải: Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Đưa ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế: Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.
3. Chi phí thương lượng, hòa giải và chi phí của Tòa án:
 - a) Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải;
 - b) Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 49. Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận

- a) Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
 - Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp khác theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

- b) Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;
- c) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu còn lại đồng ý;
- d) Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm b, c Khoản này, gây thiệt hại cho Công ty. Người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các Khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 50. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Nghĩa vụ công bố thông tin

- a) Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo;
- b) Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho cổ đông và công chúng đầu tư.

2. Nội dung công bố thông tin

- a) Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:
- Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính và báo cáo khác theo quy định của pháp luật;
 - Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát hiện sự kiện theo quy định của pháp luật;
 - Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
- b) Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị của Công ty trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN
HỨNG AN
AIG
BE
7-7.1

3. Tổ chức công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin đáp ứng yêu cầu sau:
 - a) Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - c) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của cổ đông và định kỳ công bố, giải đáp, trả lời những ý kiến đó và các vấn đề về quản trị công ty theo quy định.
4. Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố.

Chương V: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Điều 51. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp năm tài chính đầu tiên của Công ty ít hơn bốn (04) tháng, Báo cáo tài chính của năm đó được kiểm toán gộp với Báo cáo của năm tài chính tiếp theo.

Điều 52. Hệ thống kế toán

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

Điều 53. Kiểm toán

1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét theo đúng quy định.
2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những Điều Khoản và Điều kiện thảo thuận với Hội đồng quản trị. Trong cùng năm tài chính, công ty chứng khoán không được thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, trừ trường hợp công ty mẹ thay đổi tổ chức kiểm toán được chấp thuận hoặc tổ chức kiểm toán được chấp thuận bị đình chỉ hoặc bị hủy bỏ tư cách được chấp thuận kiểm toán.

3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các Khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 54. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức, thưởng và hình thức chi trả hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Trường hợp cổ tức, thưởng hay những Khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở cổ đông cung cấp. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
3. Ngày chốt danh sách cổ đông/thành viên và ngày chi trả cổ tức, lợi nhuận, thưởng:
Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách cổ đông cụ thể và ngày chi trả cổ tức, thưởng theo phương án của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 55. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 56. Trích lập các quỹ theo quy định

1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:
 - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ;
 - b) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
 - c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - d) Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.
2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI: GIA HẠN THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 57. Gia hạn thời hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty để thông qua biểu quyết về việc gia hạn thời hạn hoạt động của Công ty.

2. Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ được gia hạn thêm khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên trên tổng số phiếu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 58. Tổ chức lại công ty

1. Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được UBCK chấp thuận.
2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 59. Giải thể

1. Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
 - a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b) Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể Công ty trước thời hạn và được UBCK chấp thuận;
 - c) UBCK thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các Khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài.
3. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 60. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Chương VII: SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc có những quy định mới của pháp luật khác với những Điều Khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và Điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương VIII: HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 62. Ngày hiệu lực

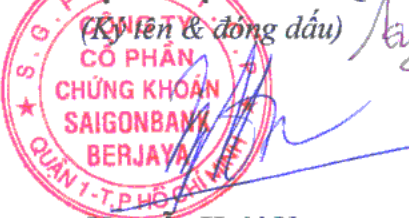
1. Bản Điều lệ này gồm 08 Chương 62 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần chứng khoán nhất trí thông qua ngày 29 tháng 04 năm 2016 tại Đại hội cổ đông thường niên 2016 và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ.
2. Điều lệ này được lập thành 06 (Sáu) bản, có giá trị như nhau.

UBCK
VN
CH
H
M

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số Hội đồng quản trị mới có giá trị.
5. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 04 năm 2016.
6. Chữ ký của **CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.**

Tên cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Số Giấy đăng ký kinh doanh, CMND/Hộ chiếu	Người đại diện	Chữ ký
Công ty TNHH một thành viên Du lịch Thương mại Kỳ Hòa	12 Đường 3/2, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4104000104 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/01/2005	Nguyễn Văn Minh	
Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Công Thương	2C Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Giấy chứng nhận ĐKKD số: 059074 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/08/1993.	Nguyễn Minh Trí	
Inter Pacific Securities Sdn Bhd	West Wing, Level 13, Berjaya Times Square, No.1Jalan Imbi, 55100 Kuala Lumpur, Malaysia	Chứng nhận kinh doanh số 12738-U do Cơ quan đăng ký Công ty Malaysia cấp ngày 30/8/1972	Kuok Wee Kiat	

**THAY MẶT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

(Ký tên & đóng dấu)

NGUYỄN HOÀI NAM

Nguyễn Hoài Nam

BẢN SAO

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0305880849

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 07 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 6, ngày 06 tháng 01 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SAIGONBANK BERJAYA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAIGONBANK BERJAYA
SECURITIES JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SBBS

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lầu 9, Tòa nhà Savico Invest Office, Số 66-68, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường
Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Điện thoại: (848) 3914 3399

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 30.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

OAB M&B

* Họ và tên: YEI PHECK JOO

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 20/04/1969

Dân tộc: Quốc tịch:

Malaysia

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: A57580382

Ngày cấp: 13/11/2022

Nơi cấp: UTC Johor

Địa chỉ thường trú: No. 4, Jalan Austin Heights 2/18, Taman Mount Austin, 81100 Johor Bahru, Johor, Malaysia

Địa chỉ liên lạc: B2201, Thảo Điền Pearl, Số 12 Đường Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

TRƯỜNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Võ Cẩm Tú

Văn Phòng Công Chứng Bến Thành

97-99-101 Nguyễn Công Trứ, Quận 1

CHỨNG THỰC BẢN SAO

ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 021014... Quyển số: 01 SCT/BS

Ngày: 06-07-2023

Công chứng viên



Phạm Thị Ngọc Phương

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 11 năm 2023



KY HOA TOURIST

Số : 07-NQ/HĐTV.KH.2023

NGHỊ QUYẾT

Về phê duyệt phương án chuyển nhượng cổ phần của
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Thương mại Kỳ Hòa
đầu tư tại Công ty cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya (Công ty SBBS)

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DU LỊCH THƯƠNG MẠI KỶ HÒA

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh
tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính
phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại
doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng
10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý,
sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày ngày 13
tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và
quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 702-QĐ/TU ngày 03 tháng 03 năm 2022 của Ban Thường
vụ Thành ủy về ban hành Quy chế Quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Đảng bộ Thành
phố đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một
thành viên Du lịch Thương mại Kỳ Hòa (Công ty Kỳ Hòa) được ban hành kèm theo
Quyết định số 1000-QĐ/VPTU ngày 10 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Thành ủy;



Căn cứ Công văn số 4498-CV/VPTU ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng Thành ủy về thoái vốn đầu tư tại Công ty SBBS;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thành viên, Ban Điều hành, Kiểm soát viên số 28-BB/HĐTV.KH.2023 ngày 04 tháng 10 năm 2023 về phương án thoái vốn cổ phần Công ty Kỳ Hòa sở hữu tại Công ty SBBS xét Tờ trình số 25/TTr-CTKH ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Tổng Giám đốc về phương án thoái vốn của Công ty Kỳ Hòa tại Công ty SBBS;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Phê duyệt Phương án chuyển nhượng cổ phần của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Thương mại Kỳ Hòa đầu tư tại Công ty cổ phần Chứng khoán Saigonbank Berjaya theo nội dung tại Tờ trình số 25/TTr-CTKH ngày 20 tháng 09 năm 2023 của Tổng Giám đốc với những nội dung chính như sau:

1. Tên tổ chức sở hữu phần vốn góp chào bán: Công ty TNHH một thành viên Du lịch Thương mại Kỳ Hòa.
2. Tên tổ chức có phần vốn chào bán: Công ty cổ phần Chứng khoán Saigonbank Berjaya.
3. Loại cổ phần chào bán: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
4. Tổng số cổ phần chào bán: 4.000.000 (chiếm tỷ lệ 13,33% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong điều lệ).
5. Tỷ lệ biểu quyết sau đợt chào bán: 0%.
6. Phương thức chuyển nhượng vốn: Đấu giá công khai.
7. Phê duyệt giá khởi điểm đấu giá: 10.200 đồng/cổ phần.
8. Tổ chức thực hiện đấu giá: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).
9. Thời gian thực hiện chuyển nhượng: dự kiến từ tháng 11/2023 đến tháng 01/2024.
10. Các nội dung khác: theo Phương án chuyển nhượng cổ phần đính kèm.

Điều 2. Giao Tổng Giám đốc Công ty Kỳ Hòa triển khai, chỉ đạo các bộ phận tham mưu phối hợp với đơn vị tư vấn tổ chức thực hiện phương án chuyển nhượng cổ phần của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Du lịch Thương mại Kỳ Hòa đầu tư tại Công ty cổ phần Chứng khoán Saigonbank Berjaya đã được phê duyệt đảm bảo công khai, minh bạch và đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Tổng Giám đốc và các phòng chuyên môn có liên quan, người đại diện vốn của Công ty Kỳ Hòa tại Công ty SBBS có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 3,
- VPTU (để báo cáo),
- HĐQT, Ban TGĐ Cty, KTT,
- KSV/Cty,
- Lưu Cty.

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Kim Oanh





PHƯƠNG ÁN

VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KỶ HÒA ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA

(Theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp)



CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KỶ HÒA

Địa chỉ : 238 đường 3/2, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 028.38.654.063 Fax: 028.38.655.333
Website : [https:// www.kyhoatourist.com.vn/](https://www.kyhoatourist.com.vn/)



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FUNAN

Địa chỉ : Tầng 7, Tòa nhà Vincom, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Hồ Chí Minh Đà Nẵng
Điện thoại : 028.7300.3318 Fax: 028.6295.9218
Website : www.funan.vn

Năm 2023



MỤC LỤC

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA	1
1. Thông tin chung về Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya chuyển nhượng	1
1.1. Thông tin chung	1
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển	1
1.3. Ngành nghề kinh doanh.....	2
2. Cơ cấu cổ đông của Doanh nghiệp	2
3. Cơ cấu tổ chức của Doanh nghiệp.....	4
4. Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp qua các năm	7
II. PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	12
1. Cơ sở pháp lý	12
2. Mục đích chuyển nhượng vốn	14
3. Đánh giá tình hình đầu tư vốn, lợi ích thu được của việc chuyển nhượng vốn.....	14
4. Nhu cầu của thị trường đầu tư vốn vào doanh nghiệp có vốn nhà nước chuyển nhượng.....	16
5. Thông tin về việc tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn	17
6. Phương thức chuyển nhượng vốn	33
7. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	39

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Viết tắt	Diễn giải
SBBS	Công ty cổ phần chứng khoán Saigonbank Berjaya
VSD	Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam
DHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông.
SGDCK	Sở Giao dịch chứng khoán
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
FNS	Công ty cổ phần chứng khoán Funan
HSX	Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
BKS	Ban kiểm soát.
BCTC	Báo cáo tài chính.

VĂN PHÒNG THÀNH ỦY TP HCM
CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH
THƯƠNG MẠI KỶ HÒA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP HCM, ngày 20 tháng 09 năm 2023

**PHƯƠNG ÁN THOẢI VỐN CỦA
CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KỶ HÒA**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300516370 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2005. Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 03 năm 2023)

TẠI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 94/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 18 tháng 07 năm 2008 và điều chỉnh lần thứ 6 ngày 06 tháng 01 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TpHCM cấp)

TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN



CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KỶ HÒA

Địa chỉ: 238 Đường 3/2, P.12, Quận 10, TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84-28) 38658151

Fax: (84-28)-38654062

Website: <http://kyhoahotel.com.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FUNAN

Địa chỉ: Tầng 7 Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn,

Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.7300.3318

Fax: 028.6295.9218

Website: <http://www.funan.vn/>

THE UNIVERSITY OF CHICAGO
DEPARTMENT OF CHEMISTRY
530 SOUTH EAST ASIAN AVENUE
CHICAGO, ILLINOIS 60607

PROFESSOR [Name]
[Address]
[City, State, Zip]

Dear Professor [Name]:

I am writing to you regarding [Topic].

I am very interested in your work on [Topic].

PHƯƠNG ÁN THOẢI VỐN CỦA

CÔNG TY TNHH MTV DU LỊCH THƯƠNG MẠI KỶ HÒA - TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA (SBBS)

I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA

**1. Thông tin chung về Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya chuyên
nhượng**

1.1. Thông tin chung

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA
- Tên tiếng Anh: SAIGONBANK BERJAYA SECURITIES JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: SBBS
- Trụ sở chính: Lầu 9, SAVICO Office, số 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, Tp.HCM
- Điện thoại: (+84)28 3914 3399
- Website: <https://www.sbbs.com.vn/>
- Giấy CNĐKDN: 94/UBCK-GP do UBCKNN cấp lần đầu ngày 18/07/2008 và điều chỉnh lần thứ 6 ngày 06/01/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TpHCM cấp.
- Vốn điều lệ đăng ký: 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ đồng chẵn)
- Vốn điều lệ thực góp: 300.000.000.000 (Ba trăm tỷ đồng chẵn)
- Số lượng cổ phần : 30.000.000 cổ phần.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.
- Người đại diện theo pháp luật: Bà Yei Pheck Joo - Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Mã chứng khoán: SBBS (OTC)

1.2. Lịch sử hình thành và phát triển

- Ngày 18/07/2008 Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya (“SBBS”) là một công ty cổ phần được thành lập theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 94/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp và được điều chỉnh theo giấy phép hoạt động kinh doanh số 340/UBCK-GP do UBCKNN cấp vào ngày 27 tháng 7 năm 2010 và giấy phép điều chỉnh số 04/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp vào ngày 08 tháng 01 năm 2013 và giấy

phép điều chỉnh số 73/GPĐC-UBCK do UBCKNN cấp vào ngày 17 tháng 12 năm 2019. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần lần thứ 6 ngày 06 tháng 01 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TpHCM cấp.

- Ngày 07/08/2008 SBBS chính thức là thành viên của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam (“VSD”).

- Ngày 07/08/2008 VSD công nhận SBBS là thành viên lưu ký theo GCN số 96/GCNTCLK.

- Ngày 04/12/2008 HNX công nhận SBBS là thành viên theo QĐ số 494/QĐ-TTGDCKHN.

- Ngày 06/01/2009 HSX công nhận SBBS là thành viên theo QĐ số 92/QĐ-SGDHCM.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. Cơ cấu cổ đông của Doanh nghiệp

❖ Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 15 tháng 08 năm 2023

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước			
1	Tổ chức	02	7.300.000	24,33
2	Cá nhân	81	18.637.467	62,13
II	Cổ đông nước ngoài			
1	Tổ chức	01	4.000.000	13,33
2	Cá nhân	0	0	0
III	Cổ phiếu quỹ	01	62.533	0,21
	TỔNG CỘNG	90	30.000.000	100

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần chứng khoán SaigonBank Berjaya ngày 15 tháng 08 năm 2023

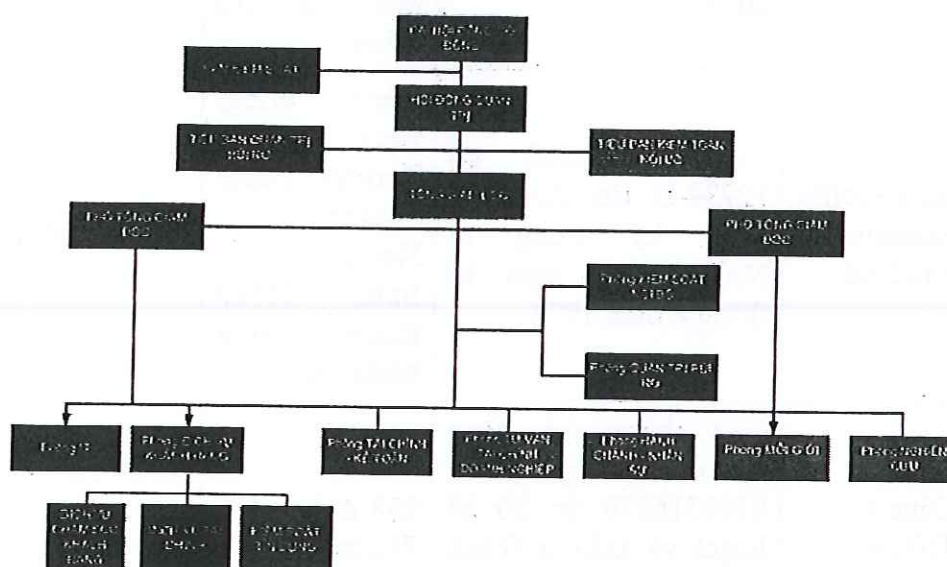
❖ Danh sách cổ đông lớn tại ngày 15 tháng 08 năm 2023:

STT	Tên cổ đông lớn	Số CMT/Hộ chiếu/ GCNĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu %
1	Nguyễn Thị Hương Giang	031183008835 do Cục CS QLHC về TTXH cấp ngày 10 tháng 04 năm 2017	12 Nguyễn Siêu, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	12.066.165	40,22%
2	Inter Pacific Securities Sdn Bhd	Giấy CNĐKKD số 12738-U do Cơ quan đăng ký Công ty Malaysia cấp ngày 30 tháng 8 năm 1972	West Wing, Level 13, Berjaya Times Square, No.1Jalan Imbi, 55100 Kuala Lumpur Malaysia.	4.000.000	13,33%
3	Công ty TNHH MTV Du lịch thương mại Kỳ Hòa	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300516370 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2005. Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 23 tháng 03 năm 2023.	238 đường 3/2, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	4.000.000	13,33%
4	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300610408 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 08 năm 1993. Đăng ký thay đổi lần thứ 29, ngày 22 tháng 06 năm 2018	2C Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	3.300.000	11%
5	Đinh Thị Thu Trang	079185024466 ngày 09 tháng 04 năm 2022 do cục CSQLHC về TTXH	14D-D8, KBT SG Pearl, 92 Nguyễn Hữu	2.042.760	6,81%

	cấp	Cánh, P.22, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	
Tổng cộng		25.408.925	84,7%

Nguồn: Danh sách cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Saigon Berjaya ngày 15 tháng 08 năm 2023

3. Cơ cấu tổ chức của Doanh nghiệp



Nguồn: Công ty cổ phần chứng khoán Saigonbank Berjaya

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của SBBS. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 lần theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị (HĐQT):

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Thành viên HĐQT có nhiệm kỳ 05 năm. Đứng đầu HĐQT là Chủ tịch HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên HĐQT thực hiện theo quy định của pháp luật,

Điều lệ SBBS và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT trong từng thời kỳ. Hiện tại HĐQT của SBBS có 05 thành viên.

Danh sách thành viên HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Hoài Nam	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Đã nộp đơn từ nhiệm vào ngày 31 tháng 07 năm 2023 và đang chờ HĐQT chấp thuận
2	Ông Kuok Wee Kiat	Thành viên Hội đồng quản trị	
3	Ông Derek Chin Chee Seng	Thành viên Hội đồng quản trị	
4	Ông Phạm Trí Hiếu	Thành viên Hội đồng quản trị	
5	Ông Phạm Hoài Nam	Thành viên Hội đồng quản trị	

Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya

Văn phòng Hội đồng quản trị:

Là bộ phận giúp việc cho HĐQT, được HĐQT quyết định thành lập. Văn phòng HĐQT có nhiệm vụ tư vấn, tham mưu, giúp việc cho HĐQT thực hiện hoạt động quản trị SBBS, là cầu nối truyền tải thông tin giữa HĐQT và Ban điều hành; giữa HĐQT và cổ đông và ngược lại. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Văn phòng HĐQT được HĐQT quy định trong Quy chế hoạt động.

Ban Kiểm soát (BKS):

Là cơ quan kiểm soát mọi hoạt động của SBBS. Các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm. Thành viên BKS có nhiệm kỳ 05 năm. Đứng đầu Ban Kiểm soát là Trưởng Ban Kiểm soát. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Trưởng Ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát SBBS trong từng thời kỳ. Hiện tại, BKS của SBBS có 03 thành viên.

Danh sách thành viên BKS:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Hứa Tuấn Cường	Trưởng Ban Kiểm soát	

2	Ông Tan Mun Choy	Thành viên Ban Kiểm soát	Đã nộp đơn từ nhiệm vào ngày 31 tháng 07 năm 2023 và đang chờ HĐQT chấp thuận
3	Ông Phương Anh Phát	Thành viên Ban Kiểm soát	Đã nộp đơn từ nhiệm vào ngày 31 tháng 07 năm 2023 và đang chờ HĐQT chấp thuận

Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ:

Được thành lập theo quyết định của HĐQT trực thuộc Ban Kiểm soát, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động Kiểm toán nội bộ SBBS.

Tiểu ban Quản trị rủi ro:

Do HĐQT thành lập, được tổ chức và hoạt động theo Quy chế do HĐQT ban hành.

Ban Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc là người đứng đầu Ban Tổng Giám đốc, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của SBBS; giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHCĐ và HĐQT về thực hiện công việc được giao. Chức năng, quyền hạn, trách nhiệm của Tổng Giám đốc tuân thủ theo Điều lệ và quy định của SBBS.

Các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và/hoặc các thành viên khác do HĐQT quy định:

Có trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Đơn vị nghiệp vụ được phân công phụ trách và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và HĐQT về mọi mặt hoạt động của Đơn vị nghiệp vụ (Khối) được Tổng Giám đốc phân công phụ trách. Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc của SBBS gồm có 03 thành viên.

Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Yei Pheck Joo	Tổng Giám đốc
2	Ông Lim Shiu Beng	Phó Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
3	Ông Trần Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Nguyễn Lan Phương	Kế toán trưởng

Nguồn: Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya

Các đơn vị nghiệp vụ SBBS:

Các đơn vị nghiệp vụ được tổ chức, bố trí theo từng Khối do Phó Tổng Giám đốc phụ trách. Một số Đơn vị nghiệp vụ có thể do Tổng Giám đốc trực tiếp phụ trách.

- Cơ cấu tổ chức tại Trụ sở chính:

- + Phòng Kiểm soát nội bộ
- + Phòng Quản trị rủi ro
- + Phòng IT
- + Phòng Dịch vụ Khách hàng
- + Phòng Tài chính – Kế toán
- + Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp
- + Phòng Hành chính nhân sự
- + Phòng Môi giới
- + Phòng Nghiên cứu

- Thông tin về Công ty mẹ, Công ty con của Công ty:

- + Danh sách Công ty con của SBBS: Không có.
- + Danh sách Công ty mẹ của SBBS: Không có.

4. Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp qua các năm

4.1. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty SBBS qua các năm 2020, 2021, 2022 và Quý 2 năm 2023:

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	% tăng giảm 2021 so với 2020	Năm 2022	% tăng giảm 2022 so với 2021	30/06/2023

Tổng giá trị tài sản	178.242	72,2%	55.702	-68,7%	42.506
Doanh thu hoạt động kinh doanh	25.484	123,3%	17.084	-32,96%	2.917
Doanh thu hoạt động tài chính	790	98%	1.620	105%	215
Lợi nhuận trước thuế	-2.766	146%	-10.624	-284%	-3.598
Lợi nhuận sau thuế	-2.766	146%	-10.624	-284%	-3.598
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-	-

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC Quý 2 năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Saigonbank Berjaya

+ Năm 2022, tổng tài sản công ty giảm mạnh 122,5 tỷ đồng so với năm 2021, sở dĩ có sự sụt giảm như vậy là bởi vì công ty đã trả nợ các khoản nợ đã vay đối với ngân hàng MayBank và Công ty Inter Pacific Securities Sdn Bhd, hiện SBBS chỉ còn vay Công ty Inter Pacific Securities Sdn Bhd 10,773 tỉ đồng. Đến ngày 31 tháng 03 năm 2023, Tổng giá trị tài sản của công ty tiếp tục giảm 9 tỷ đồng khi công ty đã trả hết khoản nợ 10,773 tỉ đồng đã vay Công ty Inter Pacific Securities Sdn Bhd.

+ Năm 2022, Doanh thu hoạt động kinh doanh của SBBS đạt 17,084 tỷ đồng, giảm 32,96% so với năm 2021, đồng thời chi phí hoạt động kinh doanh cũng giảm 20% so với cùng kỳ năm 2021, Doanh thu hoạt động của SBBS đạt 10,9 tỷ đồng, đạt 42,9% so với năm 2021, nguyên nhân là do hoạt động kinh doanh chủ yếu của SBBS là môi giới chứng khoán, sự sụt giảm của thị trường chứng khoán trong năm 2022 đã tác động tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của SBBS, đến ngày 30 tháng 6 năm 2023, mặc dù đã có sự phục hồi về thị trường chứng khoán Việt Nam cũng như tình hình vĩ mô trên thế giới cũng đã được cải thiện, nhà đầu tư chứng khoán Việt Nam vẫn còn rất thận trọng và khối lượng giao dịch của toàn thị trường vẫn ở mức thấp, dẫn đến doanh thu hoạt động của Công ty SBBS chỉ đạt 2.917 triệu đồng, bên cạnh đó việc vốn lưu động đến từ việc vay Ngân hàng May Bank và Công ty Inter Pacific Securities Sdn Bhd đã không còn khiến cho quy mô hoạt động của Công ty có phần suy giảm.

4.2. Tình hình hoạt động tài chính

❖ Các khoản phải thu

(ĐVT: VND)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
I	Phải thu ngắn hạn	16.032.864.403	1.102.860.264	2.583.407.426
1	Phải thu từ khách hàng	1.376.670.088	237.611.861	1.035.585.937
2	Trả trước cho người bán	612.283.800	605.189.674	489.588.684
3	Phải thu ngắn hạn khác	217.771.492.110	203.987.640.324	201.723.694.634
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(203.727.581.595)	(203.727.581.595)	(200.665.661.829)
II	Phải thu dài hạn	-	-	-
Tổng cộng		16.032.864.403	1.102.860.264	2.583.407.426

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC Quý 2 năm 2023 của

Công ty Cổ phần Chứng khoán Saigonbank Berjaya

❖ Các khoản phải trả

(ĐVT: VND)

STT	Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/06/2023
I	Nợ ngắn hạn	126.353.872.029	14.437.417.753	4.839.174.424
1	Phải trả người bán ngắn hạn	22.657.468.059	1.626.429.845	3.353.052.770
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	-	-
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	711.267.902	233.541.807	166.052.080
4	Phải trả người lao động	569.050.099	166.315.949	485.208.751
5	Phải chi trước ngắn hạn	3.031.700.960	1.143.008.575	362.638.428
6	Phải trả ngắn hạn khác	201.461.920	196.994.245	174.162.395
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	98.884.863.089	10.773.067.332	-

8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	298.060.000	298.060.000	298.060.000
II	Nợ dài hạn	-	-	-
1	Phải trả dài hạn khác	-	-	-
2	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-
Tổng cộng		126.353.872.029	14.437.417.753	4.839.174.424

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC Quý 2 năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Saigonbank Berjaya

- Các chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020	Ghi chú
Chỉ tiêu về thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2020	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn				
+ Hệ số thanh toán nhanh	3,23	1,34	1,93	Lần
(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	3,23	1,34	1,93	Lần
Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn				
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,26	0,71	0,47	Lần
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,35	2,43	0,89	Lần
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	-56,8	-10,5	-50,4	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	-25,7	-5,3	-10,96	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	-19	-1,6	-5,7	%

+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần	-	-	-52,5	%
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ phần	-	-	-2	%
+ Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần	-	-	-	%

Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2021, 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán

Saigonbank Berjaya

+ Về chỉ tiêu thanh toán, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty trong 2 năm 2020, 2021 đều ở mức cao với hệ số dao động từ 1,33 đến 1,93. Công ty hoàn toàn đủ khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn, đến năm 2022 thì nợ vay của SBBS giảm mạnh, hệ số thanh toán tăng cao lên trên 3,23 khi này gần như công ty còn rất ít nợ vay.

+ Về chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, các hệ số như Hệ số nợ/Tổng tài sản của Công ty ở mức lần lượt là 0,47 lần trong năm 2020 và 0,71 lần trong năm 2021 vì công ty SBBS tiến hành huy động vốn vay từ ngân hàng MayBank cũng như từ cổ đông lớn là Công ty Inter Pacific Securities Sdn Bhd. Tuy nhiên sau khi thanh toán nợ vay cho ngân hàng MayBank cũng như từ cổ đông lớn là Công ty Inter Pacific Securities Sdn Bhd trong năm 2022 thì hệ số nợ giảm mạnh về 0,26 trong năm 2022, tương ứng với hệ số nợ trên tổng tài sản thì hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu lần lượt là 0,89 lần trong năm 2020 và tăng vọt lên 2,43 lần trong năm 2021 và đến năm 2022 thì lại giảm mạnh về 0,35 sau khi thanh toán gần hết nợ vay.

+ Về chỉ tiêu khả năng sinh lời thì các chỉ số về LNST/DTT, LNTHĐKD/DTT năm 2021 có sự cải thiện hơn so với năm 2020, với việc hoạt động kinh doanh hiệu quả từ nguồn vốn vay, chỉ số LNST/DTT của SBBS trong năm 2021 tăng đáng kể 380% so với năm 2020. Tuy nhiên đến năm 2022 thì sau khi không còn nguồn vốn lưu động đến từ vốn vay cũng như trong năm 2022 vừa qua hoạt động kinh doanh của lĩnh vực chứng khoán gặp nhiều khó khăn khiến cho các chỉ số về LNST/DTT, LNTHĐKD/DTT có sự sụt giảm đáng kể khi giảm 440% so với năm 2021.

+ Về tỷ lệ chia cổ tức thì kể từ năm 2011 đến nay, sau khi bị chiếm đoạt 210 tỷ đồng liên quan đến Vụ án Huỳnh Thị Huyền Như, vụ án đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động

của Công ty SBBS thì Công ty Kỳ Hòa không nhận được bất kỳ khoản cổ tức nào do hoạt động của Công ty SBBS hàng năm đều bị lỗ.

5. Tình hình tài sản

- Thực trạng về tài sản cố định

(ĐVT: VND)

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao	Giá trị còn lại	%GTCL/ Nguyên giá
1	Phương tiện vận tải	1.061.130.000	1.061.130.000	-	0
2	Thiết bị văn phòng	62.309.998	62.309.998	-	0
3	Thiết bị công nghệ thông tin	4.583.061.509	4.321.017.574	222.765.850	4,8
4	Phần mềm tin học	14.310.094.583	14.310.094.583	-	2,65
5	Tài sản khác	1.082.357.459	559.218.021	523.139.438	48,3
Tổng cộng		21.098.953.549	20.313.770.176	745.905.288	3,5

(Nguồn: BCTC Hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Saigonbank Berjaya)

II. PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 do Quốc hội ban hành;
- Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 25 tháng 05 năm 2021 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Căn cứ Công văn số 1075-CV/VPTU ngày 28 tháng 09 năm 2007 của Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận chủ trương góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán tại Việt Nam;
- Căn cứ Công văn số 8500-CV/VPTU ngày 19 tháng 01 năm 2015 của Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh về thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya chấp thuận chủ trương để Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa thực hiện thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya;
- Căn cứ Công văn số 01/CV-CTKH ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa về việc thoái vốn tại Công ty SBBS;
- Căn cứ Biên bản họp số 06-BB / HĐTV.KH2021 ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Hội đồng Thành viên Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa v.v trả lời công văn số 01/CV-CTKH ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa về việc thoái vốn tại Công ty SBBS;
- Căn cứ Hợp đồng số 53/2021/HĐ-CTKH về việc Tư vấn thủ tục thoái vốn của Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya (SBBS) ngày 16 tháng 04 năm 2021;
- Căn cứ Công văn số 4498-CV/VPTU của Văn phòng Thành ủy Về thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Chứng khoán Saigonbank Berjaya ngày 13 tháng 01 năm 2022;
- Căn cứ Quyết định số 702-QĐ/TU ngày 03 tháng 03 năm 2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về ban hành Quy chế Quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Đảng bộ Thành phố đầu tư vào doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị quyết 03-NQ/HĐTV/KH.2023 ngày 01 tháng 03 năm 2023 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa;

- Căn cứ Công văn số 8945-CV/VPTU ngày 22 tháng 03 năm 2023 về thoái vốn đầu tư của Công ty Kỳ Hòa tại Công ty cổ phần Chứng khoán Saigonbank – Berjaya;
- Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-CTKH ngày 17 tháng 05 năm 2023 về việc thành lập Hội đồng định giá Công ty;
- Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: 0155/2023/CT.VVAC ngày 24 tháng 07 năm 2023 của Công ty cổ phần thẩm định Giá Trị Việt (VVAC);
- Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số Vc23/07/10/DN ngày 24 tháng 07 năm 2023 của Công ty cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam (SIVC);
- Căn cứ Báo cáo của Người đại diện vốn ngày 24 tháng 07 năm 2023 về các giao dịch chuyển nhượng cổ phần nội bộ của Công ty SBBS;
- Căn cứ Báo cáo của Người đại diện vốn ngày 02 tháng 08 năm 2023 về các giao dịch chuyển nhượng cổ phần nội bộ ngày 27 tháng 07 năm 2023 của Công ty SBBS với giá 5.400đ/cổ phần;
- Xét đề nghị của Người đại diện vốn tại Báo cáo ngày 04 tháng 08 năm 2023 về đề xuất giá khởi điểm phải đưa ra đấu giá 4.000.000 cổ phần của Công ty Kỳ Hòa tại Công ty SBBS;
- Xét Tờ trình của phòng Kế hoạch Đầu tư ngày 04 tháng 08 năm 2023 về việc thoái vốn đầu tư của Công ty Kỳ Hòa tại Công ty SBBS và đề xuất giá khởi điểm phải đưa ra đấu giá 4.000.000 cổ phần tại Công ty SBBS;
- Căn cứ Biên bản họp số 03/BB-CTKH ngày 09 tháng 08 năm 2023 của Hội đồng định giá về đề xuất giá khởi điểm đấu giá 4.000.000 cổ phần tại Công ty SBBS;
- Căn cứ Biên bản họp số: 26-BB/HĐTV.KH.2023 ngày 29 tháng 08 năm 2023 của Hội đồng thành viên về thoái vốn của Công ty Kỳ Hòa tại Công ty SBBS;
- Xét Tờ trình ngày 18 tháng 09 năm 2023 của Phòng Kế hoạch Đầu tư sau cuộc họp Hội đồng thành viên ngày 29 tháng 08 năm 2023 về thoái vốn đầu tư của Công ty Kỳ Hòa tại Công ty SBBS;
- Căn cứ các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Mục đích chuyển nhượng vốn

Thoái vốn theo chủ trương của Thường trực Thành ủy Thành Phố Hồ Chí Minh.

3. Đánh giá tình hình đầu tư vốn, lợi ích thu được của việc chuyển nhượng vốn

3.1. Đánh giá tình hình đầu tư vốn

- Ngày 23 tháng 08 năm 2007, Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa có Công văn số 112/CV về việc xin chủ trương cho Công ty Kỳ Hòa góp vốn đầu tư 40 (bốn mươi) tỷ đồng Việt Nam cho Berjaya Capital Berhad. Sau đó, vào ngày 24 tháng 10 năm 2007, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp cho Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa số tiền 40.000.000.000 đồng để mua cổ phần thành lập Công ty Cổ phần Chứng khoán tại Việt Nam.

- Căn cứ tại Điểm 2 Công văn số 01/CV-CTKH ngày 03 tháng 02 năm 2021 báo cáo về tình hình kết quả hoạt động của Công ty SBBS qua các năm:

“Trong ba năm đầu, Công ty SBBS hoạt động có lãi, Công ty Kỳ Hòa được chia cổ tức như sau:

- Năm 2008, được chia cổ tức là 800 triệu đồng, ứng với tỷ lệ cổ tức 2%

- Năm 2009, được chia cổ tức là 1,6 tỷ đồng, ứng với tỷ lệ cổ tức 4%

- Năm 2010, được chia cổ tức là 1 tỷ đồng, ứng với tỷ lệ cổ tức 2,5%

Tuy nhiên đến năm 2011 Công ty SBBS bị chiếm đoạt 210 tỷ đồng liên quan đến Vụ án Huỳnh Thị Huyền Như. Vụ án này ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động của Công ty SBBS và từ năm 2011 đến nay Công ty Kỳ Hòa không nhận được bất kỳ khoản cổ tức nào do hoạt động của công ty SBBS hàng năm đều bị lỗ.

Ngày 19 tháng 1 năm 2015, Văn phòng Thành ủy gửi Công văn số 8500-CV/VPTU về việc đồng ý cho Công ty Kỳ Hòa thoái vốn đầu tư tại SBBS. Công ty Kỳ Hòa đã ký hợp đồng tư vấn thoái vốn số 138/HĐ-CTKH ngày 18 tháng 8 năm 2015 với Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP HCM. Tuy nhiên thời gian này Tòa án chưa xử phiên phúc thẩm nên Công ty Kỳ Hòa buộc phải tạm ngưng hợp đồng thoái vốn cho đến khi có quyết định cuối cùng của phiên xử.

Vụ án Huỳnh Thị Huyền Như lừa đảo, chiếm đoạt tiền gửi ngân hàng của Công ty SBBS xảy ra từ năm 2011, sau khi có kết quả phúc thẩm số 291/2018/HSPT của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 5 năm 2018, đã kết luận xử phạt Huỳnh Thị Huyền Như chung thân về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và buộc Huyền Như phải bồi thường cho Công ty SBBS 210 tỷ đồng, Công ty SBBS phải trích lập dự phòng cho khoản tiền phải thu của Huỳnh Thị Huyền Như là 206,6 tỷ đồng, dẫn đến Công ty Kỳ Hòa đã trích lập dự phòng 27,6 tỷ đồng năm 2019” và tính đến cuối năm 2022 Công ty Kỳ Hòa đã trích lập dự

phòng đúng quy định về khoản đầu tư tài chính này là 34,5 tỷ đồng (bao gồm trích lập dự phòng khoản lỗ thường niên là 6,9 tỷ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư là 27,6 tỷ đồng)".

- Tính đến nay, căn cứ vào thông tin trên Sổ cổ đông chứng nhận cổ phần sở hữu của Công ty Kỳ Hòa tại Công ty SBBS ngày 08 tháng 08 năm 2008 và được chuyển thành cổ phần tự do chuyển nhượng sau 3 năm hạn chế vào ngày 23 tháng 09 năm 2015; Căn cứ Giấy xác nhận của Công ty SBBS ngày 03 tháng 8 năm 2023, số lượng cổ phần Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa đang sở hữu tại Công ty SBBS là 4.000.000 cổ phần tương ứng với tổng mệnh giá 40.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Bốn mươi tỷ đồng chẵn*), chiếm 13,33% vốn điều lệ của Công ty SBBS và là cổ phần được tự do chuyển nhượng.

3.2. Lợi ích thu được và ảnh hưởng của việc chuyển nhượng vốn

❖ Đối với Công ty cổ phần chứng khoán SaigonBank – Berjaya

Việc chuyển nhượng vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya sẽ giúp cho các thành phần kinh tế khác có cơ hội tham gia vào quá trình tái cấu trúc và quản trị Công ty, cùng điều hành doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi và thúc đẩy sự phát triển, sức cạnh tranh của Công ty.

❖ Đối với Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Kỳ Hòa

Việc chuyển nhượng phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya đáp ứng đầy đủ nguyên tắc về việc bảo toàn vốn đầu tư theo đúng với chủ trương của Thành ủy, đúng quy định của nhà nước.

4. Nhu cầu của thị trường đầu tư vốn vào doanh nghiệp có vốn nhà nước chuyển nhượng

Trải qua 25 năm, TTCK Việt Nam đã không ngừng hoàn thiện về cấu trúc, phát triển thành kênh huy động vốn quan trọng cho nền kinh tế với quy mô huy động vốn qua TTCK giai đoạn 2011-2020 đạt gần 2,9 triệu tỷ đồng, gấp gần 10 lần so với giai đoạn 2001-2010, đóng góp bình quân 19,5% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, góp phần cơ cấu lại hệ thống tài chính Việt Nam theo hướng cân đối, bền vững hơn. Đến cuối tháng 12 năm 2022, thị trường có 757 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên hai Sở giao dịch chứng khoán (SGDCK) và 856 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM với tổng giá trị niêm yết, đăng ký giao dịch đạt 1.983 nghìn tỷ đồng, tăng 14% với cuối năm 2021, tương đương 23,4% GDP. Vốn hóa thị trường cổ phiếu

tính đến cuối năm 2022 trên cả 3 sàn giao dịch (HOSE, HNX và UPCoM) đạt 5.227 nghìn tỷ đồng, giảm 32,7% so với cuối năm 2021, tương đương 61,6% GDP năm 2021 và 55% GDP ước tính năm 2022.

TTCK Việt Nam còn chứng tỏ được sức hút mạnh mẽ các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Theo đó, số lượng nhà đầu tư tham gia giao dịch trên thị trường ngày càng tăng, từ mức 3.000 tài khoản trong năm 2000 lên gần con số 7,46 triệu tài khoản tính tới cuối tháng 7/2023, vượt mức trên 7% dân số.

Nền kinh tế Việt Nam đang có tín hiệu phục hồi tích cực, tiếp tục giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, nâng cao tính tự chủ, khả năng chống chịu, thích ứng của nền kinh tế; 6 tháng đầu năm 2023, VN-Index ghi nhận mức tăng trưởng 11,2%, trở thành thị trường hồi phục tốt nhất khu vực Đông Nam Á nhờ nhiều chính sách được ban hành nhằm tháo gỡ khó khăn thúc đẩy sản xuất kinh doanh của Chính phủ cũng như Ngân hàng Nhà nước hạ lãi suất điều hành. Bước sang 6 tháng còn lại của năm, thị trường được kỳ vọng tiếp tục hồi phục mạnh khi những chính sách Chính phủ ban hành thâm thấu vào nền kinh tế, mặt bằng lãi suất tiếp tục giảm.

Công ty cổ phần chứng khoán Saigonbank Berjaya với nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán tập trung xây dựng và phát triển lợi thế cạnh tranh dựa trên 3 nhân tố chính: Nhân sự, Quy trình và Sản phẩm, đảm bảo SBBS có nhiều yếu tố khác biệt với các công ty khác, nắm bắt được sự tăng trưởng không ngừng của thị trường chứng khoán về quy mô cũng như về số lượng nhà đầu tư tham gia vào thị trường, từng bước thu hút nhà đầu tư lớn tiếp tục cải thiện hoạt động kinh doanh của công ty.

5. Thông tin về việc tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn

- **Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phần
- **Tổng số cổ phần chuyển nhượng:** 4.000.000 cổ phần (Chiếm tỷ lệ 13,33% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).
- **Tỷ lệ biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán:** 0%
- **Giá khởi điểm đấu giá:** 10.200 đồng/cổ phần.
- **Phương pháp tính giá khởi điểm:**

+ Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: 0155/2023/CT.VVAC ngày 24 tháng 07 năm 2023 của Công ty cổ phần thẩm định Giá Trị Việt (VVAC). Nguyên tắc xác định giá trị doanh nghiệp được Công ty thẩm định giá thực hiện qua Phương pháp tài sản với giá thị trường mỗi cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya là: **8.548 đồng/cổ phần**

+ Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số: Vc23/07/10/DN ngày 24 tháng 07 năm 2023 của Công ty cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam (SIVC). Nguyên tắc xác định giá trị doanh nghiệp được Công ty thẩm định giá thực hiện qua Phương pháp tài sản với giá thị trường một cổ phần là: **8.405 đồng/cổ phần**.

• Căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 31 Quyết định 702-QĐ/TU ngày 03 tháng 03 năm 2022 của Ban Thường vụ Thành ủy cũng như Điểm d Khoản 15 Điều 2 Nghị định 140/2020/NĐ-CP về việc sửa đổi bổ sung Điều 29 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP nêu rõ:

“d) Sửa đổi tiết c, điểm 1 như sau:

“c) Việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ lựa chọn ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về giá và thẩm định giá.

Tổ chức có chức năng thẩm định giá được lựa chọn các phương pháp định giá thích hợp theo quy định của pháp luật giá và thẩm định giá để xác định giá khởi điểm; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định giá. Khi xác định giá khởi điểm phải xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đầu tư ra ngoài bao gồm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hàng năm) theo quy định của pháp luật. Việc xác định giá trị thương hiệu (trong đó bao gồm giá trị văn hóa, lịch sử) vào giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Việc sử dụng một mức giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng vốn theo các phương thức quy định tại Nghị định này phải đảm bảo nguyên tắc thời gian tối đa không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực đến ngày giao dịch cuối cùng (đối với trường hợp giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán); hoặc tính đến ngày công bố trúng giá

chuyển nhượng vốn (đối với phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh) hoặc tính đến ngày ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (theo phương thức thỏa thuận).”

Giá mỗi cổ phần của Công ty SBBS mà 02 Công ty thẩm định tính toán nêu trên đều có kết quả dưới mệnh giá 10.000đ. Nhằm thực hiện đúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 của Quyết định 702-QĐ/TU ngày 03 tháng 03 năm 2022 của Ban thường vụ Thành ủy TPHCM là bảo đảm theo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch, thu hồi vốn đầu tư ra ngoài của doanh nghiệp kinh tế Đảng ở mức cao nhất, hạn chế tối đa tổn thất đầu tư trong chuyển nhượng vốn. Đồng thời thực hiện theo Kết luận của Hội đồng thành viên Công ty tại Biên bản họp số 26-BB/HĐTV.KH.2023 ngày 29 tháng 08 năm 2023, Công ty TNHH MTV Du lịch và Thương mại Kỳ Hòa xác định giá khởi điểm đấu giá là: 10.200 đồng/cổ phần (Bằng chữ: Mười ngàn hai trăm đồng).

❖ *Điều kiện chuyển nhượng vốn:*

✓ Căn cứ vào Điều 31 Quyết định số 702-QĐ/TU ngày 03 tháng 03 năm 2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về ban hành Quy chế Quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Đảng bộ Thành phố đầu tư vào doanh nghiệp và khoản 12 Nghị định số 32/2018/NĐCP sửa đổi bổ sung Điều 29 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP nêu rõ:

“Điều 29. Nguyên tắc và thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước tại công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên

1. Nguyên tắc chuyển nhượng:

Việc chuyển nhượng các khoản vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định sau:

...

đ) Doanh nghiệp nhà nước lựa chọn ký hợp đồng thuê tổ chức đấu giá, thuê tổ chức tư vấn khác có hoạt động cung cấp dịch vụ liên quan đến chuyển nhượng vốn để tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

...

h) Doanh nghiệp nhà nước không phải xây dựng lại phương án chuyển nhượng vốn khi chuyển đổi giữa các phương thức chuyển nhượng vốn theo quy định (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận).

i) Nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phải đảm bảo tỷ lệ sở hữu vốn thực góp trong vốn điều lệ của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phù hợp với từng lĩnh vực pháp luật chuyên ngành quy định hoặc các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Việc mở, sử dụng tài khoản vốn đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài liên quan đến mua cổ phần, phần vốn góp tại doanh nghiệp Việt Nam khi doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng vốn góp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

k) Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty và cơ quan đại diện chủ sở hữu chịu trách nhiệm giải quyết những tồn tại vướng mắc, khiếu nại, tố cáo liên quan đến quá trình thực hiện chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước theo thẩm quyền và quy định của pháp luật hiện hành.”

...

2. Thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước

Thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 31 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định sau:

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt danh mục vốn đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên của doanh nghiệp nhà nước phải chuyển nhượng trong quyết định phê duyệt phương án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định phương án chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo danh mục vốn đầu tư phải chuyển nhượng đã được Cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

Trường hợp chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp nhà nước không có trong

danh mục đầu tư phải chuyển nhượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định...

Trường hợp phương án cơ cấu lại doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt thì trong phương án thẩm định phải xác định danh mục vốn đầu tư chuyển nhượng. Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định phương án chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thuộc danh mục vốn đầu tư trong phương án cơ cấu lại doanh nghiệp sau khi phương án cơ cấu lại doanh nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Khi xây dựng phương án chuyển nhượng vốn, trường hợp giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được tính theo giá trị thực của phần vốn góp trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhận vốn góp, hoặc theo giá giao dịch cổ phiếu của công ty cổ phần trên thị trường, hoặc theo giá đã được tổ chức có chức năng thẩm định giá xác định theo quy định của pháp luật về thẩm định giá, nhưng vẫn thấp hơn giá trị đầu tư ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp đã thực hiện trích lập dự phòng thì việc quyết định phương án chuyển nhượng vốn thực hiện như sau:

- Nếu khoản dự phòng đã trích lập bằng hoặc lớn hơn chênh lệch giữa giá trị dự kiến thu được so với giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định phương án chuyển nhượng vốn đầu tư.

- Nếu khoản dự phòng đã trích lập nhỏ hơn chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư ghi trên sổ kế toán với giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được thì Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu nguyên nhân phát sinh khoản chênh lệch để cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, xử lý trách nhiệm đối với tổ chức, cá nhân có liên quan trong quản lý vốn đầu tư ra ngoài (nếu có) và quyết định phương án chuyển nhượng vốn đầu tư."

✓ Căn cứ theo Khoản 15 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Khoản 12 Nghị định số 32/2018/NĐCP được sửa đổi bổ sung nêu rõ:

"15. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 29 như sau:

“Điều 29. Nguyên tắc và thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”

...

Trường hợp doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần mà điều lệ công ty cổ phần có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp; có cam kết giữa doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ với các cổ đông về ưu tiên chuyển nhượng cổ phần (đối với trường hợp cổ đông chỉ được chuyển nhượng cổ phần của mình cho tổ chức, cá nhân là cổ đông hiện hữu của công ty) thì doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ chỉ đạo người đại diện phần vốn của doanh nghiệp có ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi điều lệ của công ty cổ phần hoặc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phối hợp với người đại diện thỏa thuận với các cổ đông để sửa đổi cam kết theo hướng doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ được tự do chuyển nhượng phần vốn góp cho các nhà đầu tư khác (bao gồm cả cổ đông hiện hữu của công ty).

Trường hợp người đại diện phần vốn của doanh nghiệp đã có ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông nhưng không được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đã thỏa thuận nhưng cổ đông không chấp thuận sửa đổi cam kết thì việc chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện theo điều lệ công ty cổ phần và cam kết giữa các cổ đông; việc chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ cho các cổ đông hiện hữu theo điều lệ và cam kết giữa các cổ đông thực hiện theo nguyên tắc, trình tự các phương thức chuyển nhượng vốn quy định tại Nghị định này.”

c) Sửa đổi tiết b, điểm 1 như sau:

“b) Bảo đảm theo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch, thu hồi vốn đầu tư ra ngoài của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ở mức cao nhất, hạn chế tối đa tổn thất đầu tư trong chuyển nhượng vốn.”

d) Sửa đổi tiết c, điểm 1 như sau:

“c) Việc xác định giá khởi điểm khi chuyển nhượng vốn: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm

giữ 100% vốn điều lệ lựa chọn ký hợp đồng thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá để xác định, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật về giá và thẩm định giá.

Tổ chức có chức năng thẩm định giá được lựa chọn các phương pháp định giá thích hợp theo quy định của pháp luật giá và thẩm định giá để xác định giá khởi điểm; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định giá. Khi xác định giá khởi điểm phải xác định đầy đủ giá trị thực tế phân vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đầu tư ra ngoài bao gồm giá trị được tạo bởi quyền sử dụng đất giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất thuê (thuê trả tiền một lần cho cả thời gian thuê, thuê trả tiền hàng năm) theo quy định của pháp luật. Việc xác định giá trị thương hiệu (trong đó bao gồm giá trị văn hóa, lịch sử) vào giá khởi điểm để chuyển nhượng vốn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Việc sử dụng một mức giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng vốn theo các phương thức quy định tại Nghị định này phải đảm bảo nguyên tắc thời gian tối đa không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực đến ngày giao dịch cuối cùng (đối với trường hợp giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán); hoặc tính đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng vốn (đối với phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh) hoặc tính đến ngày ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (theo phương thức thỏa thuận).

...

e) Sửa đổi tiết g, điểm 1 như sau:

"g) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ căn cứ danh mục chuyển nhượng vốn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, lập phương án chuyển nhượng vốn để trình cấp có thẩm quyền quyết định thực hiện chuyển nhượng vốn. Phương án chuyển nhượng vốn gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Cơ sở pháp lý, mục đích chuyển nhượng vốn.
- Đánh giá tình hình đầu tư vốn, lợi ích thu được và ảnh hưởng của việc chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đầu tư vào doanh nghiệp khác.
- Tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có vốn góp của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, nhu cầu của thị trường đầu tư vốn vào doanh nghiệp có vốn chuyển nhượng. Dự kiến giá trị thu được khi chuyển nhượng vốn.

- Phương thức chuyển nhượng vốn (trường hợp bán đấu giá theo lô thì phải báo cáo cụ thể căn cứ xác định trường hợp áp dụng đấu giá theo lô theo quy định).

- Dự kiến thời gian thực hiện và hoàn thành việc chuyển nhượng vốn. ””

✓ Căn cứ khoản 2 Điều 31 Quyết định số 702-QĐ/TU ngày 03 tháng 03 năm 2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về ban hành Quy chế Quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Đảng bộ Thành phố đầu tư vào doanh nghiệp nêu rõ:

2. Thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp kinh tế đảng

a) Thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên được thực hiện theo quy định sau:

- Hội đồng thành viên doanh nghiệp kinh tế đảng quyết định phương án chuyển nhượng vốn theo danh mục chuyển nhượng vốn đã được cấp thẩm quyền phê duyệt đối với khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với trị giá không quá 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định nhưng không quá mức vốn dự án của nhóm B theo quy định Luật Đầu tư công

- Hội đồng thanh viên doanh nghiệp kinh tế đảng báo cáo Văn phòng Thành ủy trình Thường trực Thành ủy phê duyệt chủ trương chuyển nhượng đối với khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với trị giá trên 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm quyết định nhưng không quá mức vốn dự án nhóm B theo quy định Luật Đầu tư công.

- Ban Thường vụ Thành ủy phê duyệt chủ trương chuyển nhượng đối với khoản đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với giá trị thuộc dự án nhóm A theo quy định của Luật Đầu tư công, dự án có vốn đầu tư nước ngoài

....

❖ **Hình thức chuyển nhượng vốn:**

Căn cứ vào Điều 32 Quyết định số 702-QĐ/TU ngày 03 tháng 03 năm 2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về ban hành Quy chế Quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Đảng bộ Thành phố đầu tư vào doanh nghiệp và căn cứ Điều 29 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung tại khoản 13 Nghị định số 32/2018/NĐCP và Căn cứ theo Khoản 16 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Khoản 13, Điều 1, Nghị định số 32/2018/NĐCP được

sửa đổi bổ sung nêu rõ, hình thức chuyển nhượng vốn được quy định như sau:

“ ...

Phương thức chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài của doanh nghiệp nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và quy định sau:

...

2. Việc chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần chưa niêm yết (hoặc đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán nhưng không thực hiện giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán) theo phương thức đấu giá công khai; trường hợp đấu giá công khai không thành công thì thực hiện chào bán cạnh tranh; trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện theo phương thức thỏa thuận.

3. Phương thức đấu giá công khai

a) Lập hồ sơ đấu giá gồm:

- Quyết định của cấp có thẩm quyền về phê duyệt phương án cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước và quyết định phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn;

...

- Tài liệu chứng minh doanh nghiệp có số cổ phần bán đấu giá để chuyển nhượng vốn là chủ sở hữu hợp pháp của số cổ phần đăng ký bán.

- Quy chế bán đấu giá cổ phần.

b) Tổ chức thực hiện đấu giá:

- Sau khi cấp có thẩm quyền quyết định phương án chuyển nhượng vốn, doanh nghiệp nhà nước thực hiện thông báo kế hoạch chuyển nhượng cổ phần do mình sở hữu cho doanh nghiệp cổ phần có vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước biết; doanh nghiệp nhà nước chuẩn bị hồ sơ đấu giá công khai theo quy định.

- Doanh nghiệp nhà nước ký hợp đồng thuê Sở giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, Trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản (sau đây gọi chung là tổ chức đấu giá) tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn theo nguyên tắc sau:

+ Trường hợp bán đấu giá cổ phần để chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài có giá trị tính theo mệnh giá cổ phần từ 10 tỷ đồng trở lên thì doanh nghiệp thuê Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức bán đấu giá.

...

Cuộc đấu giá được tổ chức tại trụ sở của tổ chức đấu giá, doanh nghiệp nhà nước có vốn chuyển nhượng hoặc địa điểm khác theo thỏa thuận của doanh nghiệp nhà nước và tổ chức đấu giá.

- Tổ chức đấu giá có trách nhiệm ban hành quy chế đấu giá cổ phần, mẫu giấy tờ liên quan để tổ chức thực hiện đấu giá sau khi có ý kiến thống nhất của doanh nghiệp nhà nước; nội dung quy chế áp dụng cho cuộc đấu giá phải đảm bảo nguyên tắc thực hiện chuyển nhượng vốn theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật khác có liên quan; quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các bên có liên quan trong quá trình thực hiện bán đấu giá cổ phần để chuyển nhượng vốn; quy định về việc công bố thông tin cuộc đấu giá (nội dung công bố, phương tiện công bố); quy định đối tượng tham gia, thủ tục tham gia đấu giá, thông báo kết quả đấu giá (bao gồm nội dung thông tin: Thời hạn nộp tiền, nội dung nộp tiền, đơn vị thụ hưởng, địa chỉ, số tài khoản), thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phần, xử lý các trường hợp vi phạm và các quy định khác theo yêu cầu quản lý, đảm bảo cuộc đấu giá được thực hiện công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

- Doanh nghiệp nhà nước/tổ chức đấu giá thực hiện công khai thông tin hồ sơ đấu giá đã lập theo quy định cho các nhà đầu tư trước ngày đấu giá tối thiểu là 20 ngày tại trụ sở chính của doanh nghiệp nhà nước, trụ sở chính của công ty cổ phần có vốn của doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng, địa điểm bán đấu giá, trên phương tiện thông tin đại chúng (ba số báo liên tiếp của một tờ báo phát hành trong toàn quốc và một tờ báo địa phương nơi doanh nghiệp nhà nước có trụ sở chính, công ty cổ phần có trụ sở chính) và đăng tải trên trang thông tin điện tử của tổ chức đấu giá cổ phần, doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần có vốn của doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng (nếu có).

...

- Trong thời hạn quy định tại quy chế bán đấu giá, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức đấu

giá, các nhà đầu tư thực hiện các thủ tục tham gia đấu giá; nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân) đủ điều kiện tham gia đấu giá được doanh nghiệp nhà nước/tổ chức đấu giá cung cấp phiếu tham gia đấu giá để đăng ký khối lượng mua và thực hiện nộp tiền đặt cọc. Nhà đầu tư được doanh nghiệp/tổ chức đấu giá cung cấp phiếu tham dự đấu giá (sau khi nộp tiền đặt cọc) để thực hiện đặt giá mua (giá đấu).

- Trong thời hạn quy định tại quy chế bán đấu giá, các nhà đầu tư ghi giá đặt mua (giá đấu) vào phiếu tham dự đấu giá và gửi cho doanh nghiệp/tổ chức đấu giá bằng cách bỏ phiếu trực tiếp tại địa điểm tổ chức đấu giá hoặc bỏ phiếu qua đường bưu điện theo quy định tại quy chế bán đấu giá cổ phần.

- Việc đấu giá công khai chỉ thực hiện khi có ít nhất 02 nhà đầu tư là đối tượng tham gia đã nộp hồ sơ hợp lệ và thực hiện đầy đủ các thủ tục tham dự cuộc đấu giá công khai theo quy định tại quy chế bán đấu giá.

c) Xác định kết quả đấu giá, chuyển quyền sở hữu cổ phần và báo cáo chuyển nhượng vốn

- Kết quả trúng đấu giá được xác định theo nguyên tắc lựa chọn giá đặt mua từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng cổ phần của vốn cần chuyển nhượng nhưng không thấp hơn giá khởi điểm.

- Trường hợp tại mức giá trúng đấu giá thấp nhất, có nhiều nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cùng đặt mức giá bằng nhau, nhưng số cổ phần còn lại ít hơn tổng số cổ phần các nhà đầu tư này đăng ký mua tại mức giá trúng đấu giá thấp nhất thì số cổ phần của từng nhà đầu tư được mua xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số cổ phần} \\ \text{n nhà đầu tư} \\ \text{được mua} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số cổ} \\ \text{phần còn} \\ \text{lại chào} \\ \text{bán} \end{array} \times \frac{\begin{array}{l} \text{Số cổ phần từng nhà đầu tư đăng} \\ \text{ký mua giá bằng nhau} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Tổng số cổ phần các nhà đầu tư} \\ \text{đăng ký mua giá bằng nhau} \end{array}}$$

Trường hợp có quy định tỷ lệ tối đa số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua thì việc xác định kết quả đấu giá thực hiện theo nguyên tắc trên nhưng số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua không vượt quá tỷ lệ tối đa theo quy định của pháp luật hiện hành, số cổ phần

vượt quá tỷ lệ quy định (nếu có) được phân phối cho nhà đầu tư còn lại theo công thức trên.

- Ngay sau khi kết thúc cuộc đấu giá, căn cứ kết quả đấu giá, tổ chức đấu giá có trách nhiệm lập Biên bản xác định kết quả đấu giá; tổ chức đấu giá, doanh nghiệp nhà nước và đại diện Hội đồng đấu giá (nếu có) đồng ký biên bản xác định kết quả đấu giá theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

- Trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản xác định kết quả đấu giá, doanh nghiệp nhà nước/tổ chức đấu giá phối hợp công bố kết quả đấu giá cổ phần tại địa điểm đấu giá, trên trang thông tin điện tử của tổ chức đấu giá, doanh nghiệp nhà nước có vốn chuyển nhượng và thông báo cho nhà đầu tư trúng đấu giá kết quả trúng giá và thực hiện việc thanh toán toàn bộ tiền mua cổ phần với các nhà đầu tư trong thời hạn không quá 07 ngày kể từ ngày công bố kết quả bán đấu giá cổ phần. Nhà đầu tư trúng đấu giá được trừ số tiền đã đặt cọc để xác định số tiền thanh toán tiền mua cổ phần do trúng đấu giá còn lại.

Riêng giá thanh toán tiền mua cổ phần khi chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán nhưng thực hiện giao dịch chuyển nhượng cổ phần ngoài sàn giao dịch chứng khoán phải đảm bảo nguyên tắc giá thanh toán quy định tại khoản 1 Điều này.

- Sau khi nhà đầu tư hoàn thành nộp tiền mua cổ phần, trong thời hạn 05 ngày làm việc, doanh nghiệp nhà nước gửi hồ sơ bao gồm: Quyết định phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của cấp có thẩm quyền, văn bản đề nghị và Biên bản xác định nhà đầu tư trúng giá bán cổ phần, đến Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (trường hợp chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần đã đăng ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam) để làm thủ tục chuyển quyền sở hữu chứng khoán. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam có trách nhiệm thực hiện chuyển quyền sở hữu cổ phần của phần vốn doanh nghiệp nhà nước đã chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác theo hồ sơ doanh nghiệp nhà nước gửi Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

- Trường hợp doanh nghiệp nhà nước chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần chưa đăng ký cổ phiếu tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phần giữa doanh nghiệp nhà nước và nhà đầu tư sau khi nhà đầu tư hoàn thành nộp tiền mua cổ

phần thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ công ty cổ phần. Doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm phối hợp với công ty cổ phần hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phần cho nhà đầu tư, công khai thông tin về thủ tục và thời gian cụ thể việc hoàn thành chuyển quyền sở hữu cổ phần cho nhà đầu tư biết khi tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn.

- Trong thời gian tối đa 15 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chuyển nhượng vốn, doanh nghiệp nhà nước phải báo cáo kết quả đấu giá cổ phần chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu, Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp).

d) Trường hợp đấu giá theo lô:

- Các trường hợp đấu giá theo lô để chuyển nhượng vốn:

...

+ Chuyển nhượng hết toàn bộ phần vốn đầu tư đang nắm giữ tại doanh nghiệp trong một lần đấu giá mà nếu thực hiện theo phương thức đấu giá công khai sẽ khó thành công. Phương án chuyển nhượng vốn trong trường hợp này phải phân tích, đánh giá được tính hiệu quả so với phương án bán theo phương thức đấu giá công khai và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

...

+ Tổng số lượng cổ phần của vốn cần chuyển nhượng theo hình thức đấu giá theo lô có thể chia thành nhiều lô khác nhau để bán đấu giá căn cứ vào giá trị vốn chuyển nhượng và tình hình thị trường tại thời điểm xây dựng phương án chuyển nhượng vốn.

+ Nhà đầu tư tham gia đấu giá cổ phần theo lô phải đặt mua tối thiểu từ một lô trở lên (toàn bộ số lượng cổ phần của lô đấu giá).

đ) Đấu giá công khai (đấu giá thông thường hoặc đấu giá theo lô) không thành công:

Các trường hợp đấu giá công khai (đấu giá thông thường hoặc đấu giá theo lô) không thành công bao gồm: Khi hết thời hạn đăng ký mà không có nhà đầu tư nào đăng ký tham gia đấu giá hoặc chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá; sau khi nộp tiền đặt cọc đến hết thời hạn nộp phiếu tham dự đấu giá không có nhà đầu tư nào nộp phiếu tham dự; không có nhà đầu tư nào trả giá tại cuộc đấu giá hoặc giá nhà đầu tư trả cao nhất mà vẫn thấp hơn giá khởi điểm; chỉ có một hoặc tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá nhưng từ chối không mua; tất cả các nhà đầu tư vi phạm quy chế đấu giá theo quy định của quy chế đấu giá.

e) Trường hợp đấu giá công khai (đấu giá thông thường hoặc đấu giá theo lô) không

thành công hoặc thành công nhưng vẫn còn số lượng cổ phần cần bán để chuyển nhượng vốn thì thực hiện chào bán cạnh tranh.

4. Phương thức chào bán cạnh tranh:

- Chào bán cạnh tranh là phương thức chào bán cạnh tranh về giá để tiếp tục thực hiện chuyển nhượng phần vốn của doanh nghiệp nhà nước góp tại công ty cổ phần (sau khi đã bán đấu giá công khai không thành công hoặc thành công nhưng chưa bán hết).

- Việc chào bán cạnh tranh chỉ thực hiện khi có ít nhất 02 nhà đầu tư là đối tượng tham gia, đã nộp hồ sơ hợp lệ và thực hiện đầy đủ các thủ tục tham dự phiên chào bán cạnh tranh theo quy định tại quy chế phiên chào bán cạnh tranh.

...

- Chào bán cạnh tranh không thành công:

Các trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công bao gồm các trường hợp như quy định đối với đấu giá công khai không thành công tại điểm đ khoản 3 Điều 29a Nghị định này.

- Trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện phương thức thỏa thuận.

5. Phương thức thỏa thuận:

- Phương thức thỏa thuận là phương thức chuyển nhượng vốn do doanh nghiệp nhà nước trực tiếp thỏa thuận với nhà đầu tư khi chào bán cạnh tranh không thành công và áp dụng trong trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư là đối tượng tham gia đã nộp hồ sơ hợp lệ và thực hiện đầy đủ các thủ tục tham dự phiên chào bán cạnh tranh theo quy định của quy chế phiên chào bán cạnh tranh.

- Giá bán thỏa thuận trên cơ sở giá được xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định này.

- Khi chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước theo phương thức thỏa thuận trực tiếp thì người có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn không được quyết định chuyển nhượng vốn cho doanh nghiệp nhận chuyển nhượng trong đó có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con dâu, con rể, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu là người quản lý doanh nghiệp và không được quyết định chuyển

nhượng cho các cá nhân là người có quan hệ như trên.

- Sau khi thỏa thuận và ký hợp đồng chuyển nhượng vốn, việc thanh toán tiền bán cổ phần trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng chuyển nhượng vốn.

- Sau khi nhà đầu tư hoàn thành nộp tiền mua cổ phần, trong thời hạn 05 ngày làm việc doanh nghiệp nhà nước lập hồ sơ chuyển quyền sở hữu cho nhà đầu tư bao gồm: Quyết định phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của cấp có thẩm quyền, văn bản đề nghị của doanh nghiệp nhà nước và hợp đồng chuyển nhượng vốn. Việc gửi hồ sơ thực hiện chuyển quyền sở hữu và báo cáo chuyển nhượng vốn theo phương thức thỏa thuận thực hiện theo quy định tương ứng đối với phương thức đấu giá công khai tại điểm c khoản 3 Điều này..

...”

Sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP như sau:

“16. Sửa đổi, bổ sung khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP như sau:

a) Sửa đổi tên Điều 29a như sau:

“Điều 29a. Phương thức thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ”

...

“- Bản công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ;”

...

“- Thời hạn Sở Giao dịch chứng khoán công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp cho các nhà đầu tư tối thiểu là 20 ngày trước ngày chuyển nhượng vốn.”

...

“- Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ ký hợp đồng thuê Trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc công ty chứng khoán (sau đây gọi chung là tổ chức đấu giá) tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn. Cuộc đấu giá được tổ chức tại trụ sở của tổ chức đấu giá, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có vốn chuyển nhượng hoặc địa điểm

khác theo thỏa thuận của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức đấu giá.”

...

“- Ngay sau khi kết thúc cuộc đấu giá, căn cứ kết quả đấu giá, tổ chức đấu giá có trách nhiệm lập Biên bản xác định kết quả đấu giá; tổ chức đấu giá, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và đại diện Hội đồng đấu giá (nếu có) đồng ký biên bản xác định kết quả đấu giá theo Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ.”

...

“- Việc lập và gửi hồ sơ, tổ chức thực hiện, chuyển quyền sở hữu cổ phần và báo cáo chuyển nhượng vốn của trường hợp đấu giá theo lô thực hiện như quy định đối với đấu giá công khai tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều này và các quy định sau:

+ Việc xác định kết quả đấu giá thực hiện như sau:

Giá đấu hợp lệ là mức giá không thấp hơn giá khởi điểm theo quy định tại quy chế đấu giá. Giá trúng đấu giá được xác định là mức giá hợp lệ nhà đầu tư đặt mua cao nhất.

Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đặt mức giá cao nhất bằng nhau và không thấp hơn mức giá khởi điểm thì trong vòng tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức phiên đấu giá theo lô, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phối hợp với tổ chức đấu giá thực hiện bỏ phiếu kín trực tiếp giữa các nhà đầu tư cùng trả mức giá này để xác định nhà đầu tư có mức giá đặt mua cao nhất và duy nhất. Mức giá bỏ phiếu kín là mức giá không thấp hơn mức giá đấu mà các nhà đầu tư đã trả cao nhất bằng nhau theo bước giá quy định tại quy chế đấu giá. Nhà đầu tư có mức giá đặt mua cao nhất khi bỏ phiếu kín là nhà đầu tư trúng giá và sẽ được mua toàn bộ lô cổ phần. Trường hợp khi tổ chức bỏ phiếu kín các nhà đầu tư tiếp tục trả giá bằng nhau thì tổ chức bốc thăm ngay để xác định nhà đầu tư trúng giá.

Trường hợp các nhà đầu tư trả giá cao nhất bằng nhau đều từ chối bỏ phiếu kín hoặc nhà đầu tư đã xác định trúng giá nhưng từ chối mua thì xác định cuộc đấu giá không thành công để thực hiện chuyển sang phương thức chuyển nhượng khác theo quy định.

+ Căn cứ vào danh mục chuyển nhượng vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giá trị vốn cần chuyển nhượng và tình hình thị trường tại thời điểm xây dựng phương án chuyển

nhượng vốn, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quyết định việc bán toàn bộ cổ phần hoặc chia tổng số lượng cổ phần của vốn cần chuyển nhượng thành nhiều đợt bán đấu giá theo lô khác nhau.”

...

“6. Sau khi đã thực hiện các phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận để chuyển nhượng vốn mà vẫn không chuyển nhượng hết số vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ cần chuyển nhượng thì doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ căn cứ nhu cầu thị trường và khả năng phát triển của doanh nghiệp khác để lựa chọn thời điểm tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn, đồng thời quyết định xác định lại mức giá khởi điểm đã công bố để chuyển nhượng vốn theo thứ tự thực hiện các phương thức chuyển nhượng vốn quy định tại Nghị định này.

Trường hợp doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đang thực hiện chuyển nhượng vốn mà Chứng thư thẩm định giá hết hiệu lực thì không phải xây dựng lại phương án chuyển nhượng vốn nhưng phải thực hiện xác định lại giá khởi điểm để tiếp tục chuyển nhượng vốn theo phương thức chuyển nhượng mà doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đang triển khai (trường hợp đã tổ chức bán đấu giá công khai nhưng không thành công hoặc chưa bán hết số vốn của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ cần chuyển nhượng thì căn cứ vào giá khởi điểm đã được xác định lại để tổ chức chào bán cạnh tranh).

...”

6. Phương thức chuyển nhượng vốn

Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa thực hiện chuyển nhượng vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần chứng khoán SaigonBank Berjaya thông qua phương thức đấu giá công khai tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE).

Căn cứ vào tiết 2 khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ và Khoản 2 Điều 32 Căn cứ Quyết định số 702-QĐ/TU ngày 03 tháng 03 năm 2022 của Ban Thường vụ Thành ủy về ban hành Quy chế Quản lý, sử dụng vốn, tài sản của Đảng bộ Thành phố đầu tư vào doanh nghiệp nêu rõ:

“2. Việc chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần chưa niêm yết (hoặc đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán nhưng không thực hiện giao dịch trên sàn giao dịch

chứng khoán) theo phương thức đấu giá công khai; trường hợp đấu giá công khai không thành công thì thực hiện chào bán cạnh tranh; trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện theo phương thức thỏa thuận.”

• Đấu giá công khai:

Căn cứ vào Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP quy định:

“ ...

3. Phương thức đấu giá công khai:

...

+ Trường hợp bán đấu giá cổ phần để chuyển nhượng vốn nhà nước có giá trị tính theo mệnh giá cổ phần từ 10 tỷ đồng trở lên thì cơ quan đại diện chủ sở hữu thuê Sở Giao dịch chứng khoán tổ chức bán đấu giá.”

Nhằm tuân thủ theo quy định của pháp luật, đề xuất Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa thực hiện chuyển nhượng vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya thông qua phương thức bán đấu giá công khai (đấu giá thông thường) tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.

Giá khởi điểm: 10.200 đồng/cổ phần

Thực hiện theo chỉ đạo tại Công văn số 4498-CV/VPTU ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Văn phòng Thành ủy, Công ty Kỳ Hòa thực hiện ký hợp đồng cung cấp dịch vụ đấu giá/chào bán cạnh tranh với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, xây dựng lộ trình đấu giá và công bố thông tin theo quy định. Danh mục hồ sơ gửi đến tổ chức cung cấp dịch vụ đấu giá được chuẩn bị và thực hiện theo Phụ lục số 08 Quyết định số 231/QĐ-SGDHCM ngày 06 tháng 05 năm 2020 về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh và dựng sổ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp, lần 1 đấu giá công khai với giá khởi điểm trên không thành công thì thực hiện qua lần 2 là chào bán cạnh tranh với giá bán 10.200đ/ cổ phần.

• Chào bán cạnh tranh:

Căn cứ tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 231/QĐ-SGDHCM ngày 06 tháng 05 năm 2020 về việc ban hành Quy chế tổ chức hoạt động đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh và dựng sổ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nêu rõ:

“2. Tổ chức hoạt động chào bán cạnh tranh: Chào bán cạnh tranh về giá để tiếp tục thực hiện chuyển nhượng phần vốn của nhà nước hoặc phần vốn của doanh nghiệp nhà nước góp tại công ty cổ phần (sau khi đã bán đấu giá công khai không thành công hoặc thành công nhưng chưa bán hết).”

Căn cứ Khoản 4 điều 14 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp ban hành ngày 08 tháng 03 năm 2018 nêu rõ:

“Chào bán cạnh tranh là phương thức chào bán cạnh tranh về giá để tiếp tục thực hiện chuyển nhượng phần vốn của doanh nghiệp nhà nước góp tại công ty cổ phần (sau khi đã bán đấu giá công khai không thành công hoặc thành công nhưng chưa bán hết).

- Việc chào bán cạnh tranh chỉ thực hiện khi có ít nhất 02 nhà đầu tư là đối tượng tham gia, đã nộp hồ sơ hợp lệ và thực hiện đầy đủ các thủ tục tham dự phiên chào bán cạnh tranh theo quy định tại quy chế phiên chào bán cạnh tranh.

- Nhà đầu tư tham dự phiên chào bán cạnh tranh được lựa chọn chia tổng số cổ phần đăng ký mua thành nhiều phần số lượng cổ phần để đặt giá mua khác nhau.

- Tương ứng với mỗi phần số lượng cổ phần được chia ra từ tổng số cổ phần đăng ký mua nhà đầu tư đặt một mức giá mua nhưng không được thấp hơn mức giá khởi điểm.”

Trường hợp đấu giá cạnh tranh không thành công thì thực hiện qua lần 3 là chuyển nhượng vốn theo phương thức thỏa thuận với giá bán 10.200đ/ cổ phần.

• Chuyển nhượng thỏa thuận:

Căn cứ Khoản 4 điều 14 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp ban hành ngày 08 tháng 03 năm 2018 nêu rõ:

“Trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện phương thức thỏa thuận”

Căn cứ Khoản 5 điều 14 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về

đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp ban hành ngày 08 tháng 03 năm 2018 nêu rõ:

“Phương thức thỏa thuận là phương thức chuyển nhượng vốn do doanh nghiệp nhà nước trực tiếp thỏa thuận với nhà đầu tư khi chào bán cạnh tranh không thành công và áp dụng trong trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư là đối tượng tham gia đã nộp hồ sơ hợp lệ và thực hiện đầy đủ các thủ tục tham dự phiên chào bán cạnh tranh theo quy định của quy chế phiên chào bán cạnh tranh.”

Giá bán thỏa thuận căn cứ trên điểm c, khoản 1, điều 38 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp nêu rõ:

“Việc xác định giá khởi điểm đối với phần vốn nhà nước trước khi tổ chức bán đấu giá công khai hoặc thỏa thuận được thực hiện thông qua tổ chức có chức năng thẩm định giá theo quy định của pháp luật về thẩm định giá đảm bảo xác định đầy đủ giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp bao gồm cả giá trị được tạo bởi giá trị quyền sử dụng đất giao hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai và giá trị các quyền sở hữu trí tuệ (nếu có) của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật tại thời điểm chuyển nhượng vốn”

Sau khi tổ chức phiên đấu giá, căn cứ theo Danh sách trúng đấu giá do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cung cấp, việc chuyển quyền sở hữu từ Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa cho các nhà đầu tư trúng đấu giá sẽ được thực hiện tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Về lộ trình thoái vốn dự kiến cụ thể về việc đấu giá công khai tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được thể hiện qua bảng dưới:

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Gửi hồ sơ cho Sở giao dịch chứng khoán HSX	D
2	Chỉnh sửa hồ sơ theo yêu cầu của sở Giao dịch chứng khoán HSX	D+4

STT	Nội dung công việc	Thời gian
3	Ký hợp đồng với tổ chức bán đấu giá Sở giao dịch chứng khoán HSX	D+4
4	Công bố thông báo về đợt đấu giá	D + 5 đến D + 7
5	Nhận đăng ký đấu giá và tiền đặt cọc của Nhà đầu tư	D + 7 đến D + 26
6	Nhận phiếu tham dự đấu giá của Nhà đầu tư	D + 7 đến D + 29
7	Thực hiện bán đấu giá tại SGDCK	D + 31
8	Thông báo kết quả đấu giá cho nhà đầu tư	D + 31
9	Nhận tiền của Nhà đầu tư nộp tiền (chuyển khoản) mua CP khi trúng chào bán đấu giá	D + 32 đến D + 38
10	- Hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư không trúng giá - Chuyển tiền thu được từ bán đấu giá cho Đơn vị - Thông báo kết quả bán đấu giá cho Đơn vị	D + 38
11	Chuyển giao Đơn đăng ký tham gia đấu giá và Phiếu tham dự đấu giá của nhà đầu tư cho đơn vị	D+43
12	- Thực hiện các thủ tục chuyển nhượng CP - Báo cáo kết quả chào bán cho UBCKNN và các đơn vị liên quan.	D+48

- Công bố thông tin:

Tổ chức bán đấu giá chủ trì phối hợp với Công ty Kỳ Hòa công bố thông tin về việc bán đấu giá theo Phụ lục số II ban hành kèm theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày thực hiện đấu giá. Việc thông báo được tổ chức thực hiện trên các phương tiện sau đây:

- Ba (03) số báo liên tiếp của một tờ báo phát hành trong toàn quốc và một tờ báo địa phương nơi Công ty Kỳ Hòa và Công ty SBBS đặt trụ sở chính;
- Website của Công ty Kỳ Hòa, Tổ chức bán đấu giá, Công ty SBBS, Tổ chức tư vấn (nếu có);

- Về nội dung và địa điểm công bố thông tin cụ thể:

Nội dung công bố thông tin:

+ Quyết định của cấp có thẩm quyền về phê duyệt Phương án cơ cấu lại Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ /Quyết định của cấp có thẩm quyền về phê duyệt danh mục Doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển nhượng (nếu không phải là văn bản mật);

+ Quyết định phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn;

+ Bản công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP;

+ Tài liệu chứng minh Công ty Kỳ Hòa là chủ sở hữu hợp pháp của số cổ phần/lô cổ phần/phần vốn góp đăng ký bán;

+ Quy chế bán đấu giá cổ phần/lô cổ phần/phần vốn góp;

+ Các tài liệu khác (nếu có).

- **Thời gian dự kiến thực hiện đấu giá:** Ngay sau khi phương án thoái vốn được Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa thông qua, Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa sẽ thực hiện các thủ tục có liên quan. Dự kiến trong Quý 04/2023, Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa sẽ thực hiện tổ chức đấu giá vào thời điểm gần nhất.

- Trường hợp Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa thực hiện thoái vốn thành công toàn bộ số cổ phần tại SBBS đã đăng ký đấu giá, với mức giá khởi điểm (tối thiểu) là 10.200 đồng/cổ phần thì lợi ích thu được sau khi trừ đi các chi phí khác ước đạt như sau:

STT/Công thức tính	Chỉ tiêu	Giá trị
(1)	Giá định giá chào bán thành công:	10.200 đồng/cổ phần
(2)	Số lượng cổ phần đấu giá thành công:	4.000.000 cổ phần
(3)=(1)x(2)	Số tiền dự kiến thu được là	40.800.000.000 đồng
(4)	Tổng chi phí khác dự kiến, trong đó:	789.700.000 đồng
	+ Chi phí thẩm định giá trị cổ phần:	508.000.000 đồng

	+ Chi phí tư vấn thoái vốn:	165.000.000 đồng
	+ Chi phí công bố thông tin:	30.000.000 đồng
	+ Chi phí tổng ước tính của Sở Giao dịch chứng khoán: (dự trừ: đấu giá công khai chưa thành công thì phí tối thiểu phải trả là 20 triệu đồng và phí khi chào bán cạnh tranh thành công là 61,2 triệu đồng (40,8 tỷ x 0.15%))	81.200.000 đồng (*)
	+ Chi phí sao y, công chứng hồ sơ:	5.500.000 đồng
(5)=(3)-(4)	Tổng lợi ích thu được dự kiến:	40.010.300.000 đồng

() Mức phí trên được tính trên 0,15% trên tổng giá trị cổ phần, phần vốn góp, loại chứng khoán thực tế bán được, tối đa là 150 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá, chào báo cạnh tranh, dựng số và tối thiểu là 20 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá, chào báo cạnh tranh, dựng số được quy định tại Thông tư 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 do Bộ tài chính ban hành)*

Như vậy, lợi ích thu được kỳ vọng từ đợt chuyển nhượng vốn là 40.010.300.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tỷ không trăm mười triệu ba trăm ngàn đồng).

7. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa thực hiện gửi công văn đề nghị SBBS hỗ trợ cùng các cơ quan hữu quan liên quan đến nghiệp vụ có biện pháp xử lý nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại SBBS vào ngày Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa chuyển nhượng cổ phần tuân thủ quy định của pháp luật theo Điều 77 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại Hà Nội do Quốc hội ban hành cụ thể:

“Điều 77. Tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trong công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

1. Nhà đầu tư nước ngoài được tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo nguyên tắc sau đây:

a) Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và người có liên quan được sở hữu đến 100% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Trường hợp không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này, nhà đầu

tư nước ngoài là tổ chức và người có liên quan chỉ được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

b) Nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân và người có liên quan chỉ được sở hữu đến 49% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

c) Tuân thủ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 74 và điểm c khoản 2 Điều 75 của Luật này.

2. Tổ chức nước ngoài tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp để sở hữu 100% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Được cấp phép và có thời gian hoạt động liên tục trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm trong thời hạn 02 năm liền trước năm tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp;

b) Cơ quan cấp phép của nước nguyên xứ và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã ký kết thỏa thuận hợp tác song phương hoặc đa phương về trao đổi thông tin, hợp tác quản lý, thanh tra, giám sát hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

c) Hoạt động kinh doanh có lãi trong 02 năm liền trước năm tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần, phần vốn góp và báo cáo tài chính năm gần nhất phải được kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.

3. Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nước ngoài được thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 76 và Điều 78 của Luật này.”

Hiện tại tỷ lệ sở hữu của cổ đông nước ngoài tại SBBS hiện nay đang là 13,33% (Tính đến ngày 15 tháng 08 năm 2023). Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán SaigonBank Berjaya không quy định về sở hữu tối đa của cổ đông nước ngoài

Vậy nên không có giới hạn đối với tổng sở hữu tối đa nhà đầu tư nước ngoài.

Đối với từng cá nhân/tổ chức nước ngoài thì có sự giới hạn về sở hữu tối đa 49% trừ trường hợp đáp ứng được các điều kiện theo khoản 2, điều 77 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại Hà Nội do Quốc hội ban hành nêu trên.

Tại ngày Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa chuyển nhượng cổ phần SBBS, Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa sẽ phối hợp với tổ chức đấu giá, Công ty SBBS và các cơ quan hữu quan kiểm tra về tư cách của đối tượng cổ đông nước ngoài

tham gia đấu giá nhằm đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của tổ chức nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Phương án chuyển nhượng vốn này do Công ty cổ phần Chứng khoán Funan tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn ký giữa Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa và Công ty cổ phần chứng khoán Funan. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Phương án chuyển nhượng vốn này đã được thực hiện một cách cẩn trọng và hợp lý dựa trên các tài liệu và thông tin do Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa cung cấp.

Đối với chứng thư thẩm định giá số: 0155/2023/CT.VVAC ngày 24 tháng 07 năm 2023 của Công ty cổ phần thẩm định Giá Trị Việt (VVAC) và chứng thư thẩm định giá số Vc23/07/10/DN ngày 24 tháng 07 năm 2023 của Công ty cổ phần Thông tin và Thẩm định giá Miền Nam (SIVC), Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan chỉ sử dụng kết quả định giá được cung cấp từ Công ty TNHH MTV Du lịch Thương mại Kỳ Hòa. Công ty Cổ phần Chứng khoán Funan không chịu trách nhiệm về các nội dung được đề cập đến trong Chứng thư này.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

NGUYỄN VĂN MINH





SAIGONBANK BERJAYA



SỔ CỔ ĐÔNG
SHAREHOLDER BOOK

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA
SAIGONBANK BERJAYA SECURITIES JSC





SAIGONBANK

SAIGONBA NK BERJAYA



BERJAYA

NGÀY PHÁT HÀNH: 08/08/2008
DATE OF ISSUE

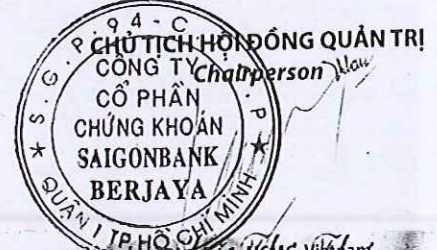
MỆNH GIÁ PHÁT HÀNH:
10.000 ĐỒNG/CỔ PHẦN
(Par value: 10.000 VND/Share)

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP: 94/UBCK - GP
LICENSE NO.

CẤP NGÀY: 18/07/2008
DATE OF ISSUE

Tầng 5 & 6, 2C Đường Phó Đức Chính, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (84-8) 3914 3399 Fax: (84-8) 3914 3388
E: info@sbsjsc.com.vn W: www.sbsjsc.com.vn

MÃ SỐ CỔ ĐÔNG: SBBS-00001
Shareholder Code
TÊN CỔ ĐÔNG: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
Name of Shareholder
DU LỊCH THƯƠNG MẠI KỸ HOA
SỐ CMND/HC/GPĐKKD: 4104000104
ID/Passport/Business License No.
CẤP NGÀY: 04/01/2005
Date of issue
NƠI CẤP: Sở Kế Hoạch & Đầu tư TP.HCM
Place of issue
QUỐC TỊCH: Việt Nam
Nationality
ĐỊA CHỈ: Số 12 Đường 3/2, P.12, Q.10, TP.HCM.
Address
ĐIỆN THOẠI:
Tel



Level 5 & 6, 2C Phó Đức Chính Street, District 1, HCMC, Vietnam
T: (84-8) 3914 3399 Fax: (84-8) 3914 3388
E: info@sbsjsc.com.vn W: www.sbsjsc.com.vn



SAIGONBANK BERJAYA



CỔ PHẦN SỞ HỮU / SHARE OWNERSHIP

TT No.	NGÀY Date	TĂNG Increase	GIẢM Decrease	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU Number of shares owned		GHI CHÚ Remarks
				CỔ PHẦN HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG Restricted share	CỔ PHẦN TỰ DO CHUYỂN NHƯỢNG Unrestricted share	
01	08.08.2008			4.000.000	4.000.000	
02	23.09.2015		4.000.000	0	0	chuyển sang CL KIDEN sau 3 năm hạn chế.
	23.09.2015	4.000.000		4.000.000	4.000.000	

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: Quyền số: / 202 - SCT/BS

Ngày: **09-11-2023** tháng năm 202.....

TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC TƯ PHÁP - HỘ TỊCH



Tầng 5 & 6, 2C Đường Phó Đức Chính, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (84-8) 3914 3399 Fax: (84-8) 3914 3388
E: info@sbsjsc.com.vn - W: www.sbsjsc.com.vn

Level 5 & 6, 2C Phó Đức Chính Street, District 1, HCMC, Vietnam
T: (84-8) 3914 3399 Fax: (84-8) 3914 3388
E: info@sbsjsc.com.vn - W: www.sbsjsc.com.vn

Huỳnh Thanh Nhàn



SAIGONBANK BERJAYA



NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

SUMMARY OF REGULATIONS FOR SHAREHOLDER

1. Sổ cổ đông này có giá trị để xác nhận và theo dõi Cổ đông.
This Shareholder's Book is valid and solely use for records of shareholding for each shareholder.
2. Sở hữu cổ phần của Cổ đông được lưu quản bằng bút tích và dữ liệu tại CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SAIGONBANK BERJAYA
The ownership of shares is recorded in written and all data is kept at SAIGONBANK BERJAYA SECURITIES JOINT STOCK COMPANY.
3. Mọi sự chuyển nhượng sở hữu cổ phần phải được lập thủ tục chuyển nhượng bằng văn bản và phải được Chủ tịch HĐQT thông qua.
Shares transfer request must be made in writing and approved by Chairperson.
4. Khi Công ty niêm yết giao dịch trên TTCK thì việc lưu ký, giao dịch cổ phần của Công ty sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
When the company is listed on the securities market, its shares depository and trading will be performed as required by the current legal regulations.
5. Cổ đông giữ gìn "Sổ Cổ Đông" cẩn thận, không làm rách, hư hỏng, nhòe mờ. Khi thất lạc phải thông báo ngay cho Công ty bằng văn bản.
Shareholder is responsible to keep Shareholder's Book with care and ensure no deliberation to alter, tear or destroy it. When the Shareholder's Book is lost, the shareholder must inform the company in writing immediately.

Tầng 5 & 6, 2C Đường Phó Đức Chính, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
ĐT: (84-8) 3914 3399 Fax: (84-8) 3914 3388
E: info@sbsjsc.com.vn W: www.sbsjsc.com.vn

Level 5 & 6, 2C Pho Duc Chinh Street, District 1, HCMC, Vietnam
T: (84-8) 3914 3399 Fax: (84-8) 3914 3388
E: info@sbsjsc.com.vn W: www.sbsjsc.com.vn